

Số: 265 /2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 14 tháng 10 năm 2025

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định chi tiết một số điều quy định tại Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, bao gồm: Điều 15; khoản 2 Điều 18; khoản 2 Điều 31; Điều 35; Điều 61; Điều 62; Điều 63; Điều 64; Điều 65; Điều 66; khoản 2 Điều 67 Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo.

2. Hướng dẫn thi hành Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo bao gồm:

a) Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; kế hoạch về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

b) Cơ cấu ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; nội dung chi; lập dự toán, phân bổ, quản lý, sử dụng, quyết toán ngân sách nhà nước cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

c) Quản lý, sử dụng Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

d) Nội dung chi, quản lý và sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp; khoản chi của doanh nghiệp cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân liên quan.

Chương II

ĐẦU TƯ CHO HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Mục 1

NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 3. Chiến lược khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; kế hoạch về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo xây dựng trên cơ sở chiến lược phát triển kinh tế xã hội. Trên cơ sở chiến lược phát triển kinh tế xã hội của đất nước từng thời kỳ, Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở Trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành.

2. Kế hoạch tổng thể về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm được xây dựng phù hợp với chu kỳ 05 năm của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

3. Đối tượng lập kế hoạch về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo gồm:

a) Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở Trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng và ban hành kế hoạch tổng thể về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm;

b) Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở Trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng và ban hành kế hoạch về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm thuộc phạm vi quản lý của mình.

4. Căn cứ xây dựng kế hoạch tổng thể về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm bao gồm:

a) Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch tổng thể về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm của giai đoạn trước;

b) Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội; Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; Chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm;

c) Dự báo xu hướng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong nước và quốc tế, đặc biệt là các công nghệ mới, công nghệ chiến lược có tác động lan tỏa lớn đến phát triển kinh tế - xã hội;

d) Bối cảnh hội nhập quốc tế và các cam kết, thỏa thuận quốc tế liên quan đến khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

đ) Định hướng huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực tài chính, nhân lực và cơ sở hạ tầng cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

e) Đánh giá nhu cầu thực tiễn từ thị trường, doanh nghiệp và xã hội trong việc thúc đẩy nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo.

5. Nội dung kế hoạch tổng thể về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm bao gồm:

a) Đánh giá tình hình thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu và nhiệm vụ chủ yếu trong kế hoạch tổng thể về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm của giai đoạn trước; kết quả đạt được; những tồn tại, hạn chế; nguyên nhân và bài học kinh nghiệm;

b) Xác định mục tiêu tổng quát của kế hoạch tổng thể về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm, bao gồm: phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng; hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách; phát triển hạ tầng phục vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; xây dựng và phát triển đội ngũ nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; nâng cao năng lực làm chủ và phát triển các công nghệ chiến lược quốc gia; tăng cường liên kết giữa khu vực nhà nước và khu vực tư nhân, thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo và các mục tiêu khác;

c) Xác định các chính sách, giải pháp và nhiệm vụ cụ thể nhằm thực hiện các mục tiêu tổng quát của kế hoạch tổng thể về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm, bao gồm: chính sách, nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược; các giải pháp huy động nguồn lực, xác định cơ cấu chi ngân sách nhà nước về chi đầu tư và chi thường xuyên cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tổ chức thực hiện, cơ chế điều phối và giám sát;

d) Các giải pháp khác có liên quan nhằm bảo đảm tổ chức thực hiện hiệu quả kế hoạch tổng thể về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm.

6. Nội dung kế hoạch về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở Trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bao gồm:

a) Đánh giá tình hình thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu và nhiệm vụ chủ yếu trong kế hoạch về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm của Bộ, ngành, địa phương của giai đoạn trước; kết quả đạt được; những tồn tại, hạn chế; nguyên nhân và bài học kinh nghiệm;

b) Xác định mục tiêu tổng quát của kế hoạch về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm của Bộ, ngành, địa phương, bảo đảm phù hợp với mục tiêu của kế hoạch tổng thể về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm; trong đó làm rõ mục tiêu chính, lĩnh vực ưu tiên phát triển;

c) Xác định các chính sách, giải pháp và nhiệm vụ cụ thể nhằm thực hiện các mục tiêu tổng quát của kế hoạch về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm của Bộ, ngành, địa phương; trong đó bao gồm: chính sách, giải pháp phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phù hợp với điều kiện thực tiễn của Bộ, ngành, địa phương; cơ cấu chi ngân sách nhà nước cho phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; danh mục ưu tiên thực hiện các dự án, chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

d) Các giải pháp khác có liên quan nhằm bảo đảm tổ chức thực hiện hiệu quả kế hoạch về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm của Bộ, ngành, địa phương.

7. Trình tự xây dựng kế hoạch tổng thể về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm, kế hoạch về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở Trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn xây dựng kế hoạch về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm, làm cơ sở để các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở Trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng kế hoạch;

b) Trước ngày 31 tháng 3 năm thứ năm của kế hoạch về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm hiện tại, Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành kế hoạch tổng thể về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của giai đoạn 05 năm tiếp theo trên cơ sở tổng hợp, đề xuất của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở Trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

c) Căn cứ kế hoạch tổng thể về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm, Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở Trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng, lấy ý kiến Bộ Khoa học và Công nghệ, hoàn thiện và ban hành kế hoạch về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm trước ngày 31 tháng 5 năm thứ năm của kế hoạch 05 năm; gửi kế hoạch để Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp, theo dõi.

8. Việc điều chỉnh kế hoạch tổng thể về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm được thực hiện trong các trường hợp:

a) Có sự điều chỉnh lớn về chiến lược phát triển kinh tế - xã hội quốc gia, chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia;

b) Xuất hiện các yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện kế hoạch, bao gồm: khủng hoảng kinh tế - xã hội; thiên tai, dịch bệnh quy mô lớn;

c) Theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ hoặc cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

9. Việc điều chỉnh kế hoạch về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở Trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được thực hiện trong các trường hợp:

a) Kế hoạch tổng thể về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm được điều chỉnh ảnh hưởng đến kế hoạch của Bộ, ngành, địa phương;

b) Trong quá trình tổ chức thực hiện kế hoạch, nếu phát sinh yêu cầu điều chỉnh nội dung kế hoạch nhằm phù hợp với tình hình thực tế phát triển kinh tế - xã hội, nguồn lực tài chính cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hoặc các yếu tố khách quan khác, Bộ, ngành, địa phương xây dựng và ban hành kế hoạch điều chỉnh sau khi thống nhất ý kiến với Bộ Khoa học và Công nghệ;

c) Kế hoạch điều chỉnh được gửi Bộ Khoa học và Công nghệ để theo dõi, tổng hợp.

10. Đánh giá và kiểm tra kết quả đánh giá kế hoạch về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm:

a) Kế hoạch về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở Trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được đánh giá và kiểm tra kết quả đánh giá theo quy định của Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về thông tin, đánh giá, chuyển đổi số và các vấn đề chung;

b) Kết quả đánh giá là căn cứ để điều chỉnh phân bổ ngân sách nhà nước và bố trí vốn đầu tư công cho giai đoạn tiếp theo.

Điều 4. Cơ cấu ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo

1. Cơ cấu chi cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong tổng mức ngân sách chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

2. Ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo theo cơ cấu sau:

a) Theo cấp ngân sách:

a1) Ngân sách trung ương;

a2) Ngân sách địa phương;

b) Theo cấp quản lý và phạm vi thực hiện:

b1) Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia; chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp đặc biệt;

b2) Chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

c) Theo tính chất chi ngân sách:

c1) Chi đầu tư phát triển;

c2) Chi thường xuyên.

d) Theo lĩnh vực hoạt động:

d1) Nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng;

d2) Phát triển công nghệ, phát triển giải pháp xã hội, sản xuất thử nghiệm;

d3) Đổi mới sáng tạo dựa trên đổi mới công nghệ, sáng tạo công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, nâng cao hiệu suất công nghệ; ứng dụng và chuyển giao công nghệ;

d4) Khởi nghiệp sáng tạo, phát triển hệ sinh thái và văn hóa đổi mới sáng tạo;

d5) Dịch vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và các hoạt động liên quan khác.

đ) Theo cơ chế triển khai:

đ1) Nhà nước đặt hàng, tài trợ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

đ2) Hỗ trợ, hợp tác công - tư và các cơ chế khác của Nhà nước nhằm huy động nguồn lực xã hội cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

3. Hằng năm, căn cứ đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội và tình hình thực tế, Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính xác định định hướng ưu tiên, cơ cấu phân bổ ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại khoản 1 Điều này; hướng dẫn nguyên tắc hỗ trợ và nội dung chi của ngân sách trung ương hỗ trợ bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương.

Điều 5. Nội dung ngân sách nhà nước chi đầu tư phát triển cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Chi đầu tư phát triển hạ tầng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo ngành, lĩnh vực, đối tượng đầu tư công được thực hiện theo quy định tại Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

2. Cấp vốn điều lệ cho quỹ đầu tư mạo hiểm quốc gia và quỹ đầu tư mạo hiểm của địa phương theo pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

3. Nhiệm vụ chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật nhằm hỗ trợ, đầu tư, hợp tác và giao nhiệm vụ cho doanh nghiệp Việt Nam để phát triển công nghệ chiến lược được lập dự toán kinh phí hằng năm theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định này, bao gồm:

a) Các nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 36 Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo;

b) Hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư các dự án nghiên cứu phát triển và sản xuất sản phẩm công nghệ số có tính chất trọng điểm, chiến lược.

4. Hoạt động đầu tư khác phục vụ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; nhiệm vụ đầu tư khác đột xuất theo chỉ đạo của Đảng, Nhà nước.

Điều 6. Nội dung ngân sách nhà nước chi sự nghiệp khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Chi thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, bao gồm:

a) Tiền thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, gồm: tiền thù lao cho các thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tiền công lao động phổ thông hỗ trợ các công việc trong nội dung nghiên cứu; tiền thuê chuyên gia trong nước và chuyên gia ngoài nước phối hợp thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Các chức danh tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ;

b) Chi mua nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, mẫu vật, dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng, năng lượng, tài liệu, sổ liệu, sách, báo, tạp chí tham khảo, quyền sở hữu và sử dụng đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ, mua quyền truy cập cơ sở dữ liệu phục vụ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (bao gồm cả chi mua trực tiếp công nghệ, sản phẩm, thiết bị nước ngoài cần thiết cho việc phân tích, giải mã với giá thỏa thuận, bí quyết công nghệ để phát triển công nghệ chiến lược theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo);

c) Chi sửa chữa, mua sắm, thuê tài sản (hoặc cơ sở vật chất, trang thiết bị) phục vụ trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

d) Chi cho công tác tổ chức và phí tham gia hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước và ngoài nước; hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

đ) Chi dịch vụ thuê ngoài phục vụ quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

e) Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu phục vụ quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

g) Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn phục vụ quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

h) Phí công bố công trình khoa học và công nghệ trong nước và quốc tế;

i) Chi tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

k) Chi tư vấn xây dựng hồ sơ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước và nước ngoài đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

l) Chi phổ biến, tuyên truyền kết quả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

m) Chi cho tổ chức chủ trì để thực hiện công tác quản lý chung nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

n) Chi khác có liên quan trực tiếp đến triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Chi thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt, chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt được áp dụng các nội dung chi quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều này và

các nội dung chi đặc thù khác. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm trình Thủ tướng Chính phủ về nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt, chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt trong đó có tổng mức kinh phí hoặc tổng mức đầu tư, cơ cấu kinh phí và nội dung chi đặc thù để thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt, chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công, pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và các pháp luật khác có liên quan.

3. Chi cho hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ, bao gồm:

a) Chi hỗ trợ cho nhà khoa học trẻ tham dự hội nghị, hội thảo quốc tế; chi hỗ trợ nhà khoa học tham dự báo cáo công trình nghiên cứu xuất sắc tại hội thảo khoa học quốc tế chuyên ngành;

b) Chi đoàn ra, đoàn vào hỗ trợ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;

c) Chi hỗ trợ hoạt động nghiên cứu của nghiên cứu sau tiến sĩ, nghiên cứu sinh của chương trình đào tạo tiến sĩ, học viên của chương trình đào tạo thạc sĩ, nhà khoa học xuất sắc, nhà khoa học trẻ tài năng, kỹ sư trẻ tài năng;

d) Chi thực tập, nghiên cứu ngắn hạn ở nước ngoài trong đó ưu tiên cho nhà khoa học trẻ tài năng, kỹ sư trẻ tài năng;

đ) Chi hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cho cá nhân hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

e) Chi tổ chức hội thảo khoa học trong nước và quốc tế ở Việt Nam;

g) Chi công bố kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ trong nước và quốc tế;

h) Chi hỗ trợ nâng cao chất lượng của tạp chí khoa học;

i) Chi tặng thưởng cho tập thể, cá nhân có kết quả xuất sắc trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo;

k) Chi hỗ trợ mời nhà khoa học xuất sắc nước ngoài đến Việt Nam trao đổi học thuật ngắn hạn;

l) Chi hỗ trợ, tài trợ thực hiện chính sách thu hút, trọng dụng tổng công trình sư, nhân tài, cá nhân hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

m) Chi hỗ trợ hoạt động sáng kiến.

4. Chi thực hiện các nhiệm vụ đổi mới sáng tạo để ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo:

Ngoài các nội dung chi quy định tại khoản 1 Điều này, chi thực hiện các nhiệm vụ đổi mới sáng tạo để ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo bao gồm các nội dung chi sau:

a) Chi hỗ trợ nhận chuyển giao quyền sử dụng hoặc quyền sở hữu công nghệ (phí cấp phép, phí chuyển nhượng, phí đối với bí quyết công nghệ); kết quả nghiên cứu, giải pháp chuyển đổi số; mua thông tin về công nghệ, tài liệu thiết kế, quy trình công nghệ, tiêu chuẩn kỹ thuật, phần mềm hỗ trợ;

b) Chi hỗ trợ thuê, mua thiết bị kiểm tra, đo lường, kiểm soát chất lượng trong quá trình nâng cấp, hoàn thiện quy trình công nghệ, đưa công nghệ mới vào sản xuất, sản xuất thử nghiệm; chi sửa chữa, mua sắm, thuê tài sản (hoặc cơ sở vật chất, trang thiết bị) phục vụ trực tiếp thực hiện dự án có nội dung sáng tạo công nghệ, tạo lập, khai thác, phát triển tài sản trí tuệ;

c) Chi nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, năng lượng phục vụ trực tiếp sản xuất thử nghiệm để hiệu chỉnh và hoàn thiện quy trình công nghệ, dây chuyền sản xuất (bao gồm cả sản xuất thử nghiệm loạt sản phẩm đầu tiên);

d) Chi thuê chuyên gia tư vấn về chuyển giao công nghệ, đàm phán hợp đồng chuyển giao công nghệ, tư vấn pháp lý, xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, năng suất, chất lượng, đăng ký, bảo hộ, quản lý, khai thác quyền sở hữu trí tuệ; thiết kế kiểu dáng công nghiệp;

đ) Chi đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước và ngoài nước về chuyển giao bí quyết công nghệ, tiếp nhận, vận hành và làm chủ công nghệ, năng suất, chất lượng, sở hữu trí tuệ; quản lý công nghệ, quản trị công nghệ và cập nhật công nghệ mới;

e) Chi dịch vụ thuê ngoài để hỗ trợ ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo, hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo; thuê phòng thí nghiệm hoặc cơ sở thử nghiệm;

g) Chi thiết kế công nghệ sản xuất, dây chuyền sản xuất; chuẩn hoá tài liệu kỹ thuật, công nghệ; tính toán thiết lập các thông số vận hành; thiết kế, chế tạo mẫu thử, khuôn mẫu, sản phẩm mới; thử nghiệm, kiểm nghiệm, đánh giá chất lượng sản phẩm; hiệu chỉnh công nghệ, dây chuyền sản xuất mới;

h) Chi hỗ trợ thử nghiệm với sản phẩm xuất khẩu chủ lực của quốc gia do tổ chức thử nghiệm đạt tiêu chuẩn quốc tế thực hiện; hỗ trợ chi phí chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy do cơ quan nhà nước chỉ định theo quy định của pháp luật; chi hướng dẫn xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn quốc tế; chi thử nghiệm, giám định, chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo tiêu chuẩn

quốc tế; chỉ áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng; chỉ xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn hệ thống quản lý mới, hệ thống truy xuất nguồn gốc, thực hành nông nghiệp tốt, nông nghiệp hữu cơ, năng suất xanh và sản xuất thông minh; đăng ký lưu hành sản phẩm, hàng hoá;

i) Chỉ cho thử nghiệm, kiểm định, đánh giá chất lượng sản phẩm tham gia trong mua sắm sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 67 Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo;

k) Chỉ hỗ trợ bằng hình thức cấp phiếu hỗ trợ tài chính để thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo, thương mại hóa sản phẩm thông qua việc tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận thị trường và khuyến khích người dùng trải nghiệm sản phẩm, dịch vụ mới.

5. Chỉ hỗ trợ lãi suất vay cho dự án, phương án đầu tư vay vốn tổ chức tín dụng có nội dung ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ và đổi mới sáng tạo để thực hiện:

a) Nội dung quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định này nhưng không đề xuất tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ kinh phí;

b) Mua sắm trang thiết bị, máy móc, dây chuyền sản xuất để phục vụ cho việc ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ và đổi mới sáng tạo.

6. Chỉ hỗ trợ hoạt động phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, bao gồm:

a) Chỉ đào tạo, chỉ nâng cao năng lực cho hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức trung gian của thị trường khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; mua bản quyền chương trình đào tạo, huấn luyện khởi nghiệp sáng tạo; tổ chức các khóa đào tạo trong nước, nước ngoài; thuê chuyên gia trong nước, quốc tế;

b) Chỉ cho kết nối mạng lưới đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo quốc gia, quốc tế: tổ chức hội nghị, hội thảo kết nối các mạng lưới đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, đầu tư mạo hiểm ở trong nước với khu vực và thế giới; thuê chuyên gia hỗ trợ, kết nối đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo; chỉ hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào);

c) Chỉ hỗ trợ xúc tiến thương mại cho doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khoa học và công nghệ: chỉ tổ chức hội nghị, hội thảo, đoàn giao dịch thương mại và sự kiện xúc tiến thương mại ở trong nước, nước ngoài, công tác phí cho người đi công tác ở trong nước, nước ngoài; chỉ tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế; đón các đoàn nước ngoài vào Việt Nam

tham gia hội chợ, triển lãm, khảo sát thị trường và giao dịch với doanh nghiệp Việt Nam; chi điều tra, khảo sát tìm hiểu thông tin, nghiên cứu đánh giá nhu cầu về sản phẩm, ngành hàng, thị trường; chi thuê chuyên gia tư vấn phát triển sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm, xuất khẩu sản phẩm, thâm nhập thị trường nước ngoài; chuyên gia nghiên cứu, tư vấn, đánh giá thị trường, sản phẩm; chi tuyên truyền, quảng bá, cung cấp thông tin, xây dựng và phát hành các ấn phẩm phục vụ chương trình xúc tiến thương mại;

d) Chi hỗ trợ hoạt động của doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khoa học và công nghệ: hỗ trợ sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung; hỗ trợ hợp đồng tư vấn tìm kiếm, lựa chọn, giải mã và chuyển giao công nghệ; hỗ trợ đào tạo, huấn luyện chuyên sâu; hỗ trợ theo điểm d khoản 4 Điều này;

đ) Chi tổ chức sự kiện ngày hội đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh, cấp quốc gia, quốc tế; tổ chức trình diễn, giới thiệu các công nghệ mới, công nghệ tiên tiến; hỗ trợ kinh phí thuê mặt bằng, chi phí vận chuyển trang thiết bị, thiết kế, dàn dựng gian hàng và truyền thông cho sự kiện; tổ chức hội nghị, hội thảo trong nước, quốc tế trong thời gian tổ chức sự kiện; tổ chức cuộc thi đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thuộc các đơn vị cơ sở, ngành, lĩnh vực, địa phương, quốc gia, quốc tế;

e) Chi tôn vinh, trao giải cho các dự án, cá nhân, tổ chức đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo đạt thành tích xuất sắc tại các cuộc thi, giải thưởng đổi mới sáng tạo do cấp có thẩm quyền tổ chức ở địa phương, cấp quốc gia hoặc được công nhận là giải thưởng quốc tế có uy tín;

g) Chi truyền thông, phát triển văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo: xây dựng tài liệu, ấn phẩm dưới dạng các tác phẩm báo chí, xuất bản, tác phẩm văn học nghệ thuật, chương trình truyền hình; tổ chức các hội nghị tuyên truyền, phổ biến về các điển hình đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp thành công của Việt Nam; các nội dung khác (chi phí in, phát hành đối với báo chí in, xuất bản phẩm, chi truyền thông trên mạng xã hội);

h) Chi theo điểm k khoản 4 Điều này;

i) Chi hoạt động thúc đẩy, phát triển thị trường khoa học và công nghệ:

i1) Chi xây dựng bản đồ công nghệ, lộ trình đổi mới công nghệ, đánh giá trình độ công nghệ, tiêu chuẩn, doanh nghiệp công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; cơ sở dữ liệu về công nghệ, sáng chế, chuyên gia;

i2) Chi thúc đẩy giao dịch, kết nối thị trường khoa học và công nghệ: thuê địa điểm, truyền thông, hỗ trợ trưng bày, giới thiệu công nghệ, chi phí đi lại, vận chuyển để tổ chức các sự kiện xúc tiến chuyển giao công nghệ; chi thuê chuyên gia phân tích hồ sơ công nghệ, khảo sát, lập báo cáo định giá, giám định, thẩm định, đánh giá công nghệ, chuyển giao công nghệ;

i3) Chi hỗ trợ mua phần mềm chuyên dụng, tài liệu chuyên môn, học liệu; tổ chức khóa học, hội thảo chuyên đề, đào tạo về định giá, giám định, môi giới chuyên giao công nghệ;

i4) Chi khảo sát, nghiên cứu thị trường.

7. Chi cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập, bao gồm:

a) Chi bảo đảm và duy trì hoạt động thường xuyên cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập bao gồm:

a1) Lương và các khoản đóng góp có tính chất lương;

a2) Hoạt động bộ máy;

a3) Chi thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở;

a4) Chi thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của tổ chức bao gồm cả chi đăng ký, bảo hộ, khai thác và quản lý quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ; chi nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện tiêu chuẩn cơ sở;

a5) Kinh phí bổ sung (nếu có) dựa trên kết quả đánh giá hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ công lập quy định tại Điều 9 của Nghị định này;

b) Kinh phí thực hiện nhiệm vụ do cấp có thẩm quyền giao cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập ngoài phạm vi dự toán chi thường xuyên quy định tại điểm a khoản 7 Điều này;

c) Kinh phí chi thường xuyên thực hiện nhiệm vụ nhà nước đặt hàng, giao trực tiếp nhiệm vụ cho các tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

d) Kinh phí chi thực hiện các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định của cấp có thẩm quyền;

đ) Chi xây dựng, vận hành, duy trì, bảo dưỡng hệ thống công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất - kỹ thuật và trang thiết bị phục vụ hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm đảm bảo duy trì công năng và tiêu chuẩn kỹ thuật của tài sản công của tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

e) Chi thực hiện nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong dự án đã đầu tư xây dựng cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

g) Chi thực hiện nhiệm vụ mua sắm máy móc, thiết bị cho các tổ chức khoa học và công nghệ công lập bao gồm: mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh; mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung; mua sắm máy móc, thiết bị chuyên dùng của tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công được cơ quan, người có thẩm quyền ban hành;

h) Các khoản chi thực hiện nhiệm vụ thuê hàng hóa, dịch vụ cho các tổ chức khoa học và công nghệ công lập nhằm đảm bảo hoạt động thường xuyên và nhiệm vụ cần thiết khác theo quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ hoặc theo quyết định phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

i) Kinh phí chi cho hoạt động hợp tác quốc tế phục vụ hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: chi tham gia mạng lưới và chương trình khu vực, chi hội nhập quốc tế về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tham gia hội nghị, hội thảo quốc tế; vốn đối ứng cho các dự án hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

k) Không sử dụng chi sự nghiệp khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để chi các nội dung quy định tại các tiêu điểm a1 và tiêu điểm a2 thuộc điểm a khoản 7 Điều này cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập là đơn vị sự nghiệp công lập không thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo gồm: cơ sở giáo dục đại học, bệnh viện và các tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc cơ sở giáo dục đại học, bệnh viện này, trừ cơ sở giáo dục đại học công lập được quy định tại Nghị định số 201/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của đại học quốc gia.

8. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập đặc thù áp dụng các nội dung chi được quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, i khoản 7 Điều này và các nội dung chi sau:

a) Các khoản chi thù lao cho nhà khoa học là người Việt Nam ở nước ngoài, nhà khoa học là người nước ngoài đến làm việc tại tổ chức theo cơ chế thỏa thuận trên cơ sở các nguyên tắc sau:

a1) Căn cứ vào tính chất, quy mô và mức độ ảnh hưởng của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được giao;

a2) Căn cứ vào trình độ, năng lực chuyên môn và hiệu quả thực tế trong hoạt động nghiên cứu, triển khai, chuyển giao công nghệ hoặc đổi mới sáng tạo của cá nhân;

a3) Tham khảo mức lương phổ biến đối với các vị trí tương đương tại các tổ chức nghiên cứu, đào tạo, doanh nghiệp có uy tín ở nước ngoài hoặc doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam.

b) Các khoản chi phí đi lại, thuê chỗ ở, tiêu chuẩn ăn hàng ngày và các chi phí có liên quan khác cho nhà khoa học là người Việt Nam ở nước ngoài, nhà khoa học là người nước ngoài đến làm việc tại tổ chức theo quy định về chế độ đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam đối với đoàn khách hạng C; chi phí vé máy bay, vé tàu, vé xe từ nơi ở của nhà khoa học đến Việt Nam ngược lại theo quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức Nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách Nhà nước bảo đảm kinh phí;

c) Các khoản chi hội nghị, hội thảo khoa học, đào tạo, bồi dưỡng theo định mức tối thiểu 2 lần quy định về định mức chi hội nghị, hội thảo khoa học, đào tạo, bồi dưỡng;

d) Các khoản chi theo quy định tại văn bản hợp tác với tổ chức quốc tế, đối tác nước ngoài;

đ) Chi đặc thù khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định trên cơ sở ý kiến đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

9. Các khoản chi cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập là trung tâm đổi mới sáng tạo công lập, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo công lập, trung tâm nghiên cứu và phát triển và các tổ chức khác do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập theo quy định tại Điều 48 của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo theo quy định tại khoản 7 Điều này.

Trung tâm đổi mới sáng tạo cấp quốc gia, trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh, trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp quốc gia, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp cấp tỉnh, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo là đơn vị sự nghiệp công lập hoặc tổ chức trong trường đại học, viện nghiên cứu được công nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 47 Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo được hưởng các hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo, hoạt động hỗ trợ đổi mới sáng tạo.

10. Kinh phí chi quản lý của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở Trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, bao gồm:

a) Chi tiền lương, tiền công, thù lao, tiền thưởng, phụ cấp và các khoản trích theo lương; chi khen thưởng, chi phúc lợi; chi trợ cấp; các khoản chi khác;

b) Chi cho hoạt động thường xuyên của Quỹ bao gồm: chi đào tạo; chi về các hoạt động đảng, đoàn thể; chi văn phòng phẩm, tài liệu, sách báo; chi điện, nước, điện thoại, bưu chính viễn thông, vệ sinh cơ quan; chi mua hàng hóa, dịch vụ; chi phí vận chuyển và các khoản chi khác cho hoạt động quản lý;

c) Chi thực hiện nhiệm vụ do cấp có thẩm quyền giao ngoài phạm vi dự toán chi thường xuyên quy định tại điểm b khoản này.

11. Kinh phí chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo:

a) Chi cho công tác quản lý, tìm kiếm nhiệm vụ, kiểm tra, giám sát, đánh giá, đo lường kết quả, hiệu quả và chuyển đổi số trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, bao gồm cả chi phí thuê chuyên gia hoặc tổ chức độc lập tư vấn (nếu cần thiết);

b) Chi cho mua sắm máy móc, thiết bị bao gồm cả mua sắm máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ công tác quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

c) Chi cho mua sắm, xây dựng, vận hành và duy trì giải pháp công nghệ thông tin, công nghệ số; xây dựng, vận hành, duy trì Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia tập trung, Hệ thống thông tin quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tập trung và hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu khác;

d) Chi thực hiện nhiệm vụ thuê hàng hóa, dịch vụ cho các cơ quan nhằm đảm bảo công tác quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và nhiệm vụ cần thiết khác theo quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ hoặc theo quyết định phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phục vụ hoạt động quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

đ) Chi hoạt động quản lý của cơ quan có thẩm quyền đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; thuê chuyên gia tư vấn độc lập, dịch vụ thuê ngoài phục vụ đánh giá, thẩm định, giám định công nghệ; phân tích, đánh giá, kiểm định chất lượng dây chuyền công nghệ, sản phẩm, máy móc, thiết bị.

e) Chi tổ chức hội đồng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; hội đồng đánh giá, thẩm định, giám định công nghệ; hội đồng xét duyệt, tổ thẩm định kinh phí, chuyên gia độc lập; thuê tổ chức có chức năng đánh giá, xét duyệt, giám sát; thù lao của thành viên ban chủ nhiệm chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

g) Chi phí tổ chức sự kiện, trình diễn, giải thưởng về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

h) Chi thuê kiểm toán độc lập;

i) Chi tổ chức đánh giá kết quả, hiệu quả sau nghiệm thu đối với chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

k) Chi tổ chức xây dựng, tổ chức đánh giá chính sách, chiến lược, kế hoạch tổng thể về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm, kế hoạch về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm của Bộ, ngành, địa phương bao gồm cả chi phí thuê chuyên gia hoặc tổ chức độc lập tư vấn, tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, tham vấn, lấy ý kiến, khảo sát trong nước.

12. Chi hỗ trợ đăng ký, bảo hộ, khai thác và quản lý quyền sở hữu trí tuệ.

13. Chi hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, pháp luật về đo lường, pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa, bao gồm cả: nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật; nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy năng suất dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; nghiên cứu khoa học, ứng dụng và phát triển công nghệ về đo lường; chi phí lấy mẫu, thử nghiệm, giám định, kiểm định phục vụ khảo sát chất lượng, kiểm tra chất lượng và giải quyết khiếu nại, tố cáo về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

14. Chi xây dựng, cập nhật, mua quyền truy cập cơ sở dữ liệu phục vụ hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

15. Chi hỗ trợ công bố kết quả nghiên cứu khoa học trên các tạp chí khoa học, bài báo, sách, chương sách trong nước và ngoài nước;

16. Chi đào tạo và bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý và cán bộ nghiên cứu về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ở trong nước và nước ngoài.

17. Chi tuyên truyền, phổ biến kiến thức, truyền thông, hoạt động thông tin, thống kê, thư viện và đánh giá hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế; khen thưởng, giải thưởng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, sáng kiến cải tiến kỹ thuật.

18. Chi cho các hoạt động hội nhập quốc tế về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: tham gia hội nghị, hội thảo quốc tế, tổ chức, hiệp hội khu vực và quốc tế trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; khảo sát tìm kiếm các thông tin về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, các nguồn cung ứng công nghệ ở nước ngoài; tham gia các hoạt động, sự kiện, diễn đàn về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc tế; niên liễm tham gia các tổ chức quốc tế về khoa học và công nghệ; đóng góp vào quỹ nghiên cứu chung với các quốc gia, tổ chức quốc tế theo điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế đã ký kết; vốn đối ứng các dự án quốc tế về khoa học và công nghệ; hỗ trợ pháp lý và tư vấn cho tổ chức, cá nhân tham gia hợp tác quốc tế để bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và giải quyết tranh chấp liên quan đến chuyển giao công nghệ; bảo đảm hoạt động của mạng lưới đại diện khoa học và công nghệ ở nước ngoài; thu hút, thuê chuyên gia, nhà khoa học là người Việt Nam định cư ở nước ngoài, chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài.

19. Chi thực hiện chính sách hỗ trợ thu hút, sử dụng, ưu đãi, đãi ngộ cá nhân hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.

20. Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với Tổng công trình sư, Kiến trúc sư trưởng về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia theo quy định tại Nghị định số 231/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định về tuyển chọn, sử dụng Tổng công trình sư, Kiến trúc sư trưởng về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; chi thực hiện chế độ, chính sách đối với thu hút chuyên gia khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo quy định tại Nghị định số 249/2025/NĐ-CP ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định quy định cơ chế, chính sách thu hút chuyên gia khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

21. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết Điều này về chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi và mức chi ngân sách nhà nước đối với lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.

Điều 7. Kế hoạch, lập dự toán và phân bổ ngân sách nhà nước chi sự nghiệp cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hằng năm

1. Đề xuất kế hoạch và dự toán ngân sách cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hằng năm:

a) Căn cứ Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của năm kế hoạch;

b) Căn cứ vào hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Bộ, ngành, địa phương gửi Bộ Khoa học và Công nghệ.

Đối với ngân sách địa phương, việc lập dự toán chi sự nghiệp cho các nội dung chi theo quy định tại Điều 6 Nghị định này, trừ nội dung chi cho chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia; nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt; chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt quy định tại Điều 17 và Điều 18 Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo.

c) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập dự toán chi sự nghiệp cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại khoản 2 Điều này;

d) Căn cứ vào khả năng đáp ứng của ngân sách nhà nước trung ương và ngân sách địa phương, nhu cầu thực tiễn và kết quả sử dụng ngân sách đã được phân bổ của năm trước liền kề của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp, đề xuất kế hoạch và dự toán ngân sách cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hằng năm gửi Bộ Tài chính để tổng hợp, lập, trình cấp có thẩm quyền dự toán ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Căn cứ đề xuất của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu ngân sách địa phương và nguyên tắc hỗ trợ, nội dung chi quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này, Bộ Khoa học và Công nghệ đề xuất dự toán ngân sách trung ương hỗ trợ bổ sung có mục tiêu ngân sách địa phương gửi Bộ Tài chính để tổng hợp, lập, trình cấp có thẩm quyền dự toán ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Lập dự toán chi sự nghiệp cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo:

a) Dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được lập như sau:

a1) Việc lập dự toán hàng năm từ ngân sách nhà nước hàng năm để triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo do Nhà nước tài trợ, đặt hàng gồm dự toán kinh phí cho nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo chuyển tiếp và dự toán kinh phí cho nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo mở mới;

a2) Dự toán kinh phí hàng năm từ ngân sách nhà nước cho nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo mở mới do Nhà nước tài trợ, đặt hàng được xác định dựa trên tổng dự toán của các loại hình nhiệm vụ;

a3) Dự toán của một loại hình nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được xác định như sau:

Số lượng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo mở mới dự kiến trong năm kế hoạch của loại hình nhiệm vụ đó nhân với kinh phí trung bình theo năm của các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Kinh phí trung bình theo năm của các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được xác định như sau: Tổng kinh phí từ ngân sách nhà nước để triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo mở mới hằng năm trong 03 năm trước liền kề chia cho tổng số lượng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo mở mới hằng năm trong 03 năm trước liền kề. Tổng số lượng nhiệm vụ mở mới hằng năm trong 03 năm trước liền kề được

xác định trên cơ sở số lượng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được phê duyệt thực hiện. Tổng kinh phí từ ngân sách nhà nước để triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo mở mới hàng năm trong 03 năm trước liền kề được xác định theo số kinh phí ngân sách nhà nước tài trợ, đặt hàng tại từng Quyết định phê duyệt nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Kinh phí trung bình theo năm của các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được điều chỉnh bổ sung (nếu có) tương ứng khi có thay đổi các chính sách, chế độ có liên quan và điều chỉnh do lạm phát, giảm phát do cơ quan có thẩm quyền công bố theo quy định. Việc điều chỉnh bổ sung nêu trên được tính theo số lượng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo mở mới phù hợp tương ứng.

a4) Dự toán kinh phí hằng năm từ ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được tính trên cơ sở tổng dự toán các loại hình nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

b) Dự toán ngân sách nhà nước hằng năm cho hoạt động hỗ trợ bao gồm: hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ lãi suất vay để ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo; hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ; hỗ trợ hoạt động phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo. Dự toán hằng năm cho hoạt động hỗ trợ mở mới không vượt quá 30% dự toán ngân sách nhà nước cho nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo do Nhà nước tài trợ dự kiến mở mới hằng năm;

c) Dự toán kinh phí hỗ trợ hoạt động thường xuyên căn cứ trên cơ sở khối lượng nội dung hoạt động dự kiến do cơ quan chủ quản xác định và dự trù kinh phí cần thiết để thực hiện, có tính đến điều kiện năng lực nhân lực, cơ sở vật chất và lĩnh vực chuyên môn của tổ chức. Nội dung nhiệm vụ chỉ theo quy định tại khoản 7 Điều 6 của Nghị định này.

Việc lập dự toán của tổ chức khoa học và công nghệ công lập được xác định trên cơ sở đánh giá kết quả hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo quy định tại Điều 9 của Nghị định này.

Dự toán kinh phí để triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập gồm dự toán kinh phí cho nhiệm vụ chuyển tiếp và dự toán kinh phí cho nhiệm vụ mở mới thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

d) Việc lập dự toán kinh phí chi quản lý của các quỹ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 10 Điều 6 Nghị định này được thực hiện hằng năm trên cơ sở khối lượng hoạt động dự kiến và dự toán kinh phí dự kiến để thực hiện;

đ) Việc lập dự toán kinh phí chi hoạt động quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 11 Điều 6 Nghị định này được thực hiện hằng năm trên cơ sở khối lượng hoạt động dự kiến và dự toán kinh phí dự kiến để thực hiện;

e) Tổng kinh phí lập dự toán chi quản lý của các quỹ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại điểm a và điểm b khoản 10 Điều 6 Nghị định này và kinh phí chi hoạt động quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của các quỹ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại các điểm đ, điểm e và điểm i khoản 11 Điều 6 Nghị định này không vượt quá 5% dự toán kinh phí cho thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo do Nhà nước đặt hàng, tài trợ chuyển tiếp và dự kiến mở mới hằng năm quy định tại điểm a khoản này, trong đó kinh phí lập dự toán kinh phí chi quản lý của các quỹ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại điểm a và điểm b khoản 10 Điều 6 Nghị định này không vượt quá 2% tổng kinh phí quy định tại điểm này;

g) Việc lập dự toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại điểm a và điểm b khoản này được thực hiện theo nguyên tắc không trùng lặp; các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm quyết định phê duyệt số lượng nhiệm vụ dự kiến trên cơ sở danh mục nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đề xuất; hoạt động hỗ trợ dự kiến; hoạt động quản lý dự kiến và dự toán kinh phí dự kiến cần thiết để thực hiện quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản này đảm bảo đúng quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

h) Việc lập dự toán đối với nhiệm vụ mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị thực hiện theo quy định tại Nghị định số 98/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng và các nhiệm vụ cần thiết khác.

3. Phân bổ dự toán chi sự nghiệp cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Sau khi được Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao dự toán ngân sách, đơn vị dự toán cấp I ở trung ương và địa phương thực hiện phân bổ, giao dự toán ngân sách chi sự nghiệp cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc và đơn vị thuộc ngân sách cấp dưới theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, trừ quy định tại điểm b Khoản này;

b) Dự toán kinh phí tài trợ, đặt hàng để thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, kinh phí hỗ trợ lãi suất vay, hỗ trợ triển khai các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo nội dung chi quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 6 Nghị định; được giao về các Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Việc giao dự toán các nội dung nêu trên được cấp bằng lệnh chi tiền vào tài khoản tiền gửi của các quỹ tại Kho bạc Nhà nước, cụ thể:

b1) Kinh phí tài trợ, đặt hàng để thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ; kinh phí hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia được cấp về Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia.

b2) Kinh phí tài trợ, đặt hàng thực hiện chương trình, nhiệm vụ đổi mới sáng tạo; hỗ trợ lãi suất vay, hỗ trợ kinh phí để ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo; hỗ trợ hoạt động phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo được cấp về Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia.

b3) Kinh phí đặt hàng, tài trợ để thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; hỗ trợ lãi suất vay, hỗ trợ kinh phí để ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo; hỗ trợ hoạt động phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo cấp về Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý.

c) Bộ Tài chính, Sở Tài chính thực hiện kiểm tra dự toán đơn vị dự toán cấp I đã giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước chi sự nghiệp cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

4. Quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước chi sự nghiệp cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Đối với kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí theo quy định tại khoản 4 Điều 63 của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo;

b) Đối với kinh phí thực hiện nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo không thuộc quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 63 của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo và thực hiện thanh toán, chi trả qua Kho bạc Nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;

c) Việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;

d) Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra, theo dõi tình hình thực hiện ngân sách nhà nước chi sự nghiệp khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

5. Việc quyết toán, xét duyệt quyết toán, thẩm tra và tổng hợp quyết toán chi thường xuyên cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và các nội dung khác thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

6. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách chịu trách nhiệm toàn diện về hồ sơ, trình tự, thủ tục và thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ, về lập và đề xuất dự toán, phân bổ dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định này đảm bảo đúng quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật khác có liên quan; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm; kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm người đứng đầu, các tập thể, cá nhân thuộc các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp và các đơn vị quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước trong trường hợp cơ quan thanh tra, kiểm toán phát hiện có vi phạm trong quá trình thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

Điều 8. Kế hoạch, lập dự toán và phân bổ ngân sách nhà nước chi đầu tư phát triển cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Lập dự toán chi đầu tư phát triển cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hằng năm:

a) Căn cứ hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước chi cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Bộ Khoa học và Công nghệ; căn cứ chiến lược, chương trình, kế hoạch tổng thể khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm, kế hoạch khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm của bộ, ngành, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn cho ngân sách trung ương được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng giải ngân vốn đầu tư công, Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổng hợp kế hoạch đầu tư công hằng năm thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

b) Đối với các nhiệm vụ chi đầu tư phát triển khác quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 5 của Nghị định này, trình tự, thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ thực hiện theo quy định tại Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về chương trình,

nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo. Căn cứ vào quyết định phê duyệt nhiệm vụ, tiến độ giải ngân và kết quả hạng mục công việc đã được kiểm tra, đánh giá, Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổng hợp kế hoạch chi đầu tư phát triển khác hằng năm của Bộ, ngành, địa phương, bao gồm danh mục, mức vốn bố trí chi từng chương trình, nhiệm vụ, dự án kèm theo thuyết minh, hồ sơ, gửi về Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và quy định pháp luật khác có liên quan;

c) Đối với chương trình, nhiệm vụ, dự án chi đầu tư phát triển quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Bộ Khoa học và Công nghệ rà soát, tổng hợp đề xuất gửi Bộ Tài chính để tổng hợp và trình cấp có thẩm quyền chi đầu tư phát triển vốn ngân sách nhà nước cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Việc thanh, quyết toán và tổng hợp quyết toán chi đầu tư phát triển cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công.

3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách chịu trách nhiệm toàn diện về hồ sơ, trình tự, thủ tục và thẩm quyền phê duyệt dự án, về lập dự toán, phân bổ dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để thực hiện các dự án theo quy định tại Nghị định này đảm bảo đúng quy định của pháp luật; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm; kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm người đứng đầu, các tập thể, cá nhân thuộc các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các đơn vị quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước trong trường hợp cơ quan thanh tra, kiểm toán phát hiện có vi phạm trong quá trình thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

4. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra, theo dõi tình hình thực hiện ngân sách nhà nước chi đầu tư phát triển cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công.

Điều 9. Nguyên tắc, cách thức lập và phân bổ chi bảo đảm và duy trì hoạt động thường xuyên cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập

1. Nguyên tắc lập và phân bổ dự toán chi ngân sách nhà nước cho bảo đảm và duy trì hoạt động thường xuyên cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập như sau:

a) Kinh phí chi bảo đảm và duy trì hoạt động thường xuyên cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 6 của Nghị định này nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, tính minh bạch và trách nhiệm giải trình của tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

b) Bảo đảm phù hợp với quy mô, nhiệm vụ, năng lực thực hiện và kết quả đầu ra của tổ chức khoa học và công nghệ công lập; kết hợp giữa kinh phí cố định và kinh phí bổ sung theo kết quả đánh giá hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

c) Việc lập dự toán chi bảo đảm và duy trì hoạt động thường xuyên cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập là kinh phí thường xuyên giao tự chủ được lập theo thời kỳ ổn định (05 năm). Dự toán chi ngân sách nhà nước bảo đảm và duy trì hoạt động thường xuyên cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập cho thời kỳ ổn định (05 năm) tiếp theo bao gồm: số kinh phí cố định của tổ chức khoa học và công nghệ công lập và số kinh phí bổ sung theo kết quả đánh giá hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ công lập giai đoạn ổn định ngân sách liền kề;

d) Khuyến khích các tổ chức khoa học và công nghệ công lập tăng cường huy động nguồn lực xã hội hóa theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; hợp tác công tư thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giữa viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

2. Chi thường xuyên ngân sách nhà nước bảo đảm và duy trì hoạt động thường xuyên cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo nội dung chi quy định tại điểm a khoản 7 Điều 6 của Nghị định này gồm hai cấu phần được xác định như sau:

a) Kinh phí cố định của tổ chức khoa học và công nghệ công lập bao gồm: lương và các khoản đóng góp có tính chất lương; hoạt động bộ máy; chi thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở; chi thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của tổ chức, được thực hiện tự chủ theo phương án tự chủ tài chính của tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

b) Kinh phí bổ sung của tổ chức khoa học và công nghệ công lập: tối đa bằng 10% kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở thuộc kinh phí cố định của tổ chức khoa học và công nghệ công lập quy định tại điểm a khoản này thời kỳ ổn định liền kề. Số kinh phí bổ sung được xác định căn cứ theo kết quả đánh giá hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ công lập trong thời kỳ ổn định liền kề của tổ chức khoa học và công nghệ công lập và tính theo quy định tại khoản 3 của Điều này;

c) Việc phân bổ kinh phí bổ sung theo đánh giá kết quả hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ công lập phải bảo đảm minh bạch, công khai và gắn với cơ chế kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền;

d) Tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện theo quy định tại Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về thông tin, thống kê, đánh giá, chuyển đổi số và các vấn đề chung.

3. Kinh phí bổ sung (nếu có) của tổ chức khoa học và công nghệ công lập được tính trên cơ sở số điểm đánh giá đạt được của tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo đánh giá kết quả hoạt động quy định tại Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về thông tin, thống kê, đánh giá, chuyển đổi số và các vấn đề chung. Số điểm đánh giá của tổ chức khoa học và công nghệ công lập tối đa là 100 điểm. Mức chi ngân sách nhà nước cho kinh phí bổ sung của tổ chức khoa học và công nghệ công lập được quy đổi căn cứ theo số điểm đánh giá đạt được của tổ chức khoa học và công nghệ công lập trong kỳ đánh giá giai đoạn trước liền kề như sau:

a) Tổ chức khoa học và công nghệ công lập đạt từ 80–100 điểm: ngân sách nhà nước đảm bảo phân bổ bằng 100% kinh phí cố định của tổ chức khoa học và công nghệ công lập quy định tại điểm a khoản 2 Điều này và cộng thêm kinh phí bổ sung của tổ chức khoa học và công nghệ công lập được xác định tương ứng với mức điểm đánh giá kết quả hoạt động đạt được của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

Kinh phí bổ sung của tổ chức khoa học và công nghệ công lập được xác định như sau: tương ứng với mỗi 01 điểm đánh giá đạt được (từ mức điểm cao hơn mức điểm 80), tổ chức khoa học và công nghệ công lập được bổ sung kinh phí bằng 0,5% số kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở thuộc kinh phí cố định của tổ chức khoa học và công nghệ công lập quy định tại điểm a khoản 2 Điều này thời kỳ ổn định liền kề.

Kinh phí bổ sung của tổ chức khoa học và công nghệ công lập được xác định khi cơ quan có thẩm quyền công bố kết quả đánh giá hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ công lập. Việc lập và phân bổ dự toán chi ngân sách nhà nước số kinh phí bổ sung của tổ chức khoa học và công nghệ công lập phù hợp với thời điểm lập và phân bổ ngân sách nhà nước hằng năm. Kinh phí bổ sung của tổ chức khoa học và công nghệ công lập được giao tự chủ và được chuyển nguồn ngân sách hằng năm theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

b) Tổ chức khoa học và công nghệ công lập đạt từ 60–79 điểm: phân bổ tối đa bằng 100% kinh phí cố định của tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này thời kỳ ổn định liền kề.

c) Tổ chức khoa học và công nghệ công lập đạt dưới 60 điểm: phân bổ tối đa 90% kinh phí cố định của tổ chức khoa học và công nghệ công lập quy định tại điểm a khoản 2 Điều này thời kỳ ổn định liền kề.

Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tổ chức đánh giá kết quả hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ công lập vào năm tiếp theo. Nếu số điểm đánh giá kết quả hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ công lập đạt được mức điểm quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản này, tổ chức khoa học và công nghệ công lập được lập và phân bổ số kinh phí cố định và kinh phí bổ sung theo quy định điểm a khoản 2 và các điểm a và b khoản 3 Điều này với thời kỳ ổn định (05 năm) tiếp theo tương ứng. Nếu số điểm đánh giá kết quả hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ công lập tiếp tục đạt dưới 60 điểm trong 03 lần đánh giá trong 03 năm liên tiếp, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xem xét, quyết định việc hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo quy định.

4. Kết quả đánh giá hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ công lập được Bộ Khoa học và Công nghệ cập nhật hàng năm và công khai trên Hệ thống thông tin quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Điều 10. Khoản chi trong thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Đối với khoản chi đến sản phẩm cuối cùng, toàn bộ kinh phí từ ngân sách nhà nước cho thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 6 của Nghị định này được thực hiện khoản chi.

2. Đối với khoản chi từng phần theo nội dung nghiên cứu, trừ kinh phí chi mua tài sản được trang bị để triển khai nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, thuê dịch vụ thuê ngoài chưa có tiêu chuẩn, định mức và đoàn đi công tác nước ngoài, các nội dung chi sau được phép áp dụng cơ chế khoản chi:

- a) Chi công lao động, thù lao thực hiện nhiệm vụ;
- b) Chi nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, mẫu vật, dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng, năng lượng, tài liệu, số liệu, sách, báo, tạp chí tham khảo;
- c) Chi thuê chuyên gia trong và ngoài nước;
- d) Chi thuê dịch vụ khoa học kỹ thuật có tiêu chuẩn, định mức và đơn giá;
- đ) Chi hội thảo, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học; chi khảo sát, điều tra, thu thập số liệu phục vụ nhiệm vụ;
- e) Chi công bố kết quả nghiên cứu, sở hữu trí tuệ;
- g) Chi quản lý chung nhiệm vụ tại tổ chức chủ trì;
- h) Các khoản chi khác phù hợp với tính chất nhiệm vụ và được cơ quan thẩm định chấp thuận.

3. Cách xác định mức và phương thức xác định khoán chi của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo như sau:

a) Mức khoán chi căn cứ vào:

a1) Dự toán kinh phí đề xuất tại thuyết minh nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

a2) Mức chi theo tiêu chuẩn, định mức, đơn giá hiện hành;

a3) Đối với khoán chi từng phần theo nội dung nghiên cứu, kinh phí khoán chi được xác định theo từng nội dung nghiên cứu đề xuất khoán chi và theo nội dung chi được phép áp dụng cơ chế khoán chi quy định tại khoản 2 Điều này. Tổng hợp kinh phí của các nội dung nghiên cứu thực hiện khoán chi thành tổng kinh phí khoán chi cho nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

b) Phương thức xác định khoán chi của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo như sau:

b1) Cam kết của tổ chức chủ trì về sản phẩm và chất lượng đầu ra (đối với hình thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng);

b2) Kết quả đánh giá của Hội đồng khoa học và công nghệ đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

4. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được chuyển một lần hoặc theo tiến độ thực hiện nhiệm vụ. Kinh phí chi cho công lao động phải nhập vào nguồn thu của tổ chức chủ trì để trả cho cá nhân trực tiếp tham gia nhiệm vụ, hỗ trợ nhiệm vụ và những nội dung thuê khoán chuyên môn khác, trừ những khoán chi cho cá nhân không thuộc tổ chức chủ trì.

5. Đối với khoán chi đến sản phẩm cuối cùng, cam kết sản phẩm cuối cùng là cơ sở để đánh giá kết quả khi kết thúc và thanh quyết toán nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được tự quyết định điều chỉnh giữa các khoản mục chi, nội dung chi, quyết định việc sử dụng kinh phí từ công lao động để thuê chuyên gia trong và ngoài nước theo mức kinh phí thỏa thuận; không phải quyết toán chi tiết theo từng khoản mục, nội dung chi, quyết toán tổng số kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo mục chi khoán khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số căn cứ vào kết quả đánh giá sản phẩm cuối cùng.

6. Đối với khoán chi từng phần theo nội dung nghiên cứu, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được điều chỉnh trong từng nội dung chi quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 6 của Nghị định này, được quyết định việc sử dụng kinh phí từ công lao động để thuê chuyên gia trong và ngoài nước theo mức kinh phí thỏa thuận.

7. Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được tự chủ, tự chịu trách nhiệm quyết định việc sử dụng kinh phí khoán. Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo chịu trách nhiệm bảo đảm việc sử dụng kinh phí đúng mục đích, hiệu quả, tiết kiệm; lưu trữ chứng từ và chịu trách nhiệm giải trình khi cơ quan chức năng yêu cầu.

8. Cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có trách nhiệm tổ chức xác định nội dung khoán chỉ và mức kinh phí khoán; theo dõi tiến độ thực hiện, kiểm tra đột xuất khi cần; đánh giá kết quả nghiệm thu dựa trên sản phẩm cam kết; xử lý vi phạm theo quy định nếu tổ chức chủ trì không hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 11. Xử lý kinh phí trong trường hợp nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo không đạt được kết quả cuối cùng như dự kiến

Trong trường hợp đã thực hiện đầy đủ các quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, quy trình thực hiện, nội dung nghiên cứu và biện pháp phòng ngừa rủi ro nhưng kết quả của nhiệm vụ không đạt được mục tiêu đề ra, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo không phải hoàn trả lại ngân sách nhà nước số kinh phí đã sử dụng đúng mục tiêu, phạm vi được nêu tại Thuyết minh nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, trừ các khoản kinh phí sau:

1. Kinh phí đã cấp cho nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại tài khoản tiền gửi ở Kho bạc Nhà nước của tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ mà chưa sử dụng sau khi trừ đi số nợ phải trả của tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ. Số nợ phải trả của tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ là số tiền tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ phải thanh toán cho hàng hoá, dịch vụ, công lao động đã thực hiện mà chưa được thanh toán.

2. Kinh phí tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đã tạm ứng cho các tổ chức, cá nhân có liên quan để triển khai thực hiện nội dung nghiên cứu hoặc cung ứng hàng hóa, dịch vụ nhưng chưa thực hiện. Kinh phí này được xác định tương ứng với phần công việc, hàng hóa, dịch vụ chưa thực hiện.

3. Kinh phí đã sử dụng không đúng mục tiêu, phạm vi, nội dung nghiên cứu được nêu tại Thuyết minh nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Mục 2

NGUỒN LỰC XÃ HỘI CHO KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Điều 12. Nguồn đầu tư của xã hội cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp.

2. Chi của doanh nghiệp tài trợ cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; chi của doanh nghiệp cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo.

3. Sử dụng các khoản tài trợ nhận được từ doanh nghiệp không có quan hệ liên kết, tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước cho hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Điều 13. Nội dung chi của quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp

1. Doanh nghiệp nhà nước được sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ để thực hiện các dự án trọng điểm, dự án phát triển công nghệ chiến lược theo quy định tại khoản 2 Điều 31 Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo như sau:

a) Thuê hoặc trả lương chuyên gia trong và ngoài nước theo hình thức toàn bộ thời gian, một phần thời gian, cố vấn hoặc chuyên gia thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu, chuyên gia đào tạo, chuyên gia chuyển giao công nghệ. Thuê chuyên gia được thực hiện theo hình thức chỉ định, ký hợp đồng trực tiếp. Mức phí thuê chuyên gia được xác định trên nguyên tắc thị trường, thông qua thỏa thuận giữa các bên căn cứ vào tính chất nhiệm vụ, thời gian thuê, trình độ chuyên môn. Việc xác định mức chi cụ thể do tổ chức, doanh nghiệp quyết định. Hình thức hợp đồng thuê chuyên gia: hợp đồng dịch vụ; hợp đồng nghiên cứu khoán gọn theo giai đoạn; hợp đồng hợp tác nghiên cứu có chia sẻ quyền sở hữu trí tuệ.

b) Doanh nghiệp nhà nước được sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ để mua trực tiếp công nghệ, sản phẩm, thiết bị nước ngoài để phục vụ phân tích, học hỏi, giải mã công nghệ, phát triển công nghệ chiến lược thông qua hình thức chỉ định nhà cung cấp và áp dụng hình thức đàm phán giá. Sản phẩm, thiết bị sau khi phân tích, giải mã được coi là vật tư tiêu hao và không tính trong giá trị tài sản của doanh nghiệp.

Việc mua phải phù hợp với mục tiêu, nội dung và phạm vi nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo đã được phê duyệt. Doanh nghiệp nhà nước được tự chủ lựa chọn, thương thảo và mua trực tiếp công nghệ, sản phẩm, thiết bị nước ngoài. Tuân thủ các quy định về xuất nhập khẩu, an ninh quốc gia, sở hữu trí tuệ và an toàn công nghệ. Doanh nghiệp nhà nước chịu trách nhiệm toàn diện về tính hiệu quả, hợp pháp của hoạt động mua và sử dụng công nghệ, sản phẩm, thiết bị;

c) Doanh nghiệp nhà nước được sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ để mua trực tiếp bí quyết công nghệ. Doanh nghiệp nhà nước được tự chủ lựa chọn, thương thảo, đàm phán và mua trực tiếp bí quyết công nghệ. Việc mua trực tiếp bí quyết công nghệ phải phù hợp với mục tiêu, nội dung và phạm

vi nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo đã được phê duyệt. Doanh nghiệp nhà nước chịu trách nhiệm toàn diện về tính hiệu quả, hợp pháp của hoạt động mua và sử dụng bí quyết công nghệ;

d) Doanh nghiệp nhà nước được sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ để triển khai thực hiện nhiệm vụ, dự án hợp tác nghiên cứu với nước ngoài để tiếp cận, làm chủ công nghệ và phải tuân thủ các quy định bảo vệ bí mật nhà nước, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo pháp luật về sở hữu trí tuệ và các quy định khác có liên quan. Việc thực hiện nhiệm vụ, dự án hợp tác nghiên cứu với nước ngoài theo các nội dung quy định tại khoản 3 Điều này;

đ) Mua lại doanh nghiệp, phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu và phát triển; sáp nhập doanh nghiệp để sở hữu bí quyết công nghệ:

Doanh nghiệp nhà nước được quyền chủ động quyết định việc mua lại, sáp nhập theo chiến lược phát triển khoa học và công nghệ của mình, bảo đảm phù hợp với chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực và định hướng của cơ quan đại diện chủ sở hữu. Bí quyết công nghệ sở hữu thông qua việc sáp nhập doanh nghiệp, mua lại doanh nghiệp, phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu và phát triển phải phục vụ trực tiếp việc phát triển công nghệ chiến lược. Việc mua lại, sáp nhập theo quy định tại điểm này phải bảo đảm tính minh bạch, phòng chống xung đột lợi ích, chịu trách nhiệm giải trình toàn diện.

Việc mua lại, sáp nhập chỉ được thực hiện khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: dự án trọng điểm, dự án phát triển công nghệ chiến lược được triển khai trên cơ sở nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ, bộ chủ quản giao cho doanh nghiệp nhà nước; có phương án đầu tư rõ ràng, bao gồm phân tích công nghệ, kế hoạch chuyển giao và khai thác hiệu quả bí quyết công nghệ sau khi mua; có ý kiến thống nhất của cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với việc sáp nhập doanh nghiệp, mua lại doanh nghiệp, phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu và phát triển.

Việc mua lại tại nước ngoài hoặc mua lại, sáp nhập trong nước được thực hiện thông qua hình thức đàm phán trực tiếp, không bắt buộc đấu thầu hoặc đấu giá.

Doanh nghiệp nhà nước được quyền chỉ định, ký hợp đồng trực tiếp với đơn vị tư vấn, chuyên gia trong và ngoài nước để hỗ trợ quá trình thẩm định, đàm phán.

Giá trị tài sản, thiết bị hiện có của doanh nghiệp, phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu và phát triển sau khi mua lại, bí quyết công nghệ sau khi doanh nghiệp sáp nhập được hạch toán và ghi sổ kế toán theo quy định hiện hành.

e) Các chi phí cần thiết khác phục vụ nghiên cứu, tiếp cận, mua bí quyết công nghệ, giải mã công nghệ tiên tiến của nước ngoài.

2. Doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp được sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ để thực hiện mua, sáp nhập, đầu tư hoặc cùng đầu tư vào dự án khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 66 của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo như sau:

a) Doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ mua, sáp nhập, đầu tư hoặc cùng đầu tư vào dự án khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo phải ban hành quy chế quản lý nội bộ. Quy chế quản lý nội bộ quy định về nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn dự án khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, thẩm quyền và giám sát báo cáo về mua lại, sáp nhập, đầu tư hoặc cùng đầu tư cho dự án khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo;

b) Nguyên tắc để mua, sáp nhập, đầu tư hoặc cùng đầu tư vào dự án khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo: công khai, minh bạch, quản lý rủi ro tài chính và công nghệ, có biện pháp phòng ngừa xung đột lợi ích; tuân thủ giới hạn rủi ro đầu tư đã được phê duyệt trong kế hoạch sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ hằng năm; tuân thủ quy trình nội bộ về thẩm định, phê duyệt, ký kết và giám sát báo cáo;

c) Tiêu chí lựa chọn doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo để mua, sáp nhập, đầu tư hoặc cùng đầu tư là: doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo có đăng ký kinh doanh hợp pháp tại Việt Nam; có sản phẩm, dịch vụ đổi mới sáng tạo, có tiềm năng tăng trưởng nhanh; có khả năng tạo ra lợi ích tài chính hoặc chiến lược phù hợp với mục tiêu của doanh nghiệp nhà nước;

d) Hồ sơ đề xuất chủ trương để mua, sáp nhập, đầu tư hoặc cùng đầu tư vào dự án khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo gồm các nội dung chính: mô tả về dự án khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; mục tiêu mua, sáp nhập, đầu tư hoặc cùng đầu tư; đề xuất mức mua, sáp nhập, đầu tư hoặc cùng đầu tư; phân tích sơ bộ rủi ro và lợi ích;

đ) Việc mua, sáp nhập, đầu tư hoặc cùng đầu tư vào dự án khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo phải thực hiện thẩm định nội bộ hoặc thuê đơn vị độc lập để đánh giá các rủi ro: công nghệ (tính khả thi); thị trường (tiềm năng và cạnh tranh); tài chính (dòng tiền, chi phí, lợi nhuận). Kết quả thẩm định là căn cứ bắt buộc trước khi phê duyệt đầu tư, mua lại, sáp nhập hoặc cùng đầu tư vào dự án khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo;

e) Quyết định phê duyệt mua, sáp nhập, đầu tư hoặc cùng đầu tư vào dự án khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo do Hội đồng quản trị hoặc người đại diện theo thẩm quyền của doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp quyết định trên cơ sở: kết quả thẩm định; đề xuất mức mua, sáp nhập, đầu tư hoặc cùng đầu tư; so sánh với ngưỡng rủi ro và tổng mức rủi ro được phê duyệt;

g) Việc ký kết hợp đồng mua, sáp nhập, đầu tư hoặc cùng đầu tư vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo phải đảm bảo: có điều khoản thoái vốn hoặc xử lý tổn thất rõ ràng; có quy định ràng buộc trách nhiệm của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo về thực hiện đúng cam kết;

h) Cơ chế giám sát, đánh giá và báo cáo đối với hoạt động mua, sáp nhập, đầu tư hoặc cùng đầu tư vào dự án khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo:

Thiết lập cơ chế theo dõi định kỳ (hàng quý hoặc 6 tháng) đối với: hoạt động của dự án khởi nghiệp sáng tạo/ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hiệu quả tài chính; các dấu hiệu rủi ro phát sinh.

Xây dựng và ban hành quy trình xử lý rủi ro/tổn thất khi xuất hiện: dừng đầu tư; rút vốn; chuyển đổi hình thức hợp tác.

i) Doanh nghiệp nhà nước, tổ chức công lập, đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ để mua lại, sáp nhập, đầu tư hoặc cùng đầu tư cho dự án khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo có trách nhiệm định kỳ hàng năm hoặc đột xuất báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước; cơ quan tài chính có thẩm quyền (nếu cần).

Doanh nghiệp nhà nước, tổ chức công lập, đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ để mua lại, sáp nhập, đầu tư hoặc cùng đầu tư cho dự án khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo phải thực hiện kiểm toán độc lập hàng năm đối với: danh mục đầu tư; báo cáo tài chính liên quan; kết quả thực hiện các cam kết.

3. Doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp được sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ để trực tiếp thực hiện, đặt hàng hoặc thuê thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo. Nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo phải có mục tiêu nghiên cứu, ứng dụng, phát triển công nghệ mới, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ. Các khoản chi để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, không phải là chi phí sản xuất, chi phí tiếp thị. Các khoản chi bao gồm:

a) Chi phí cho công lao động bao gồm: tiền lương, tiền công và các khoản đóng góp có tính chất lương cho các nhà nghiên cứu, kỹ sư, chuyên viên kỹ thuật trực tiếp thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

b) Chi phí trực tiếp phục vụ hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo bao gồm: chi phí vật liệu, nhiên liệu và điện năng phục vụ trực tiếp hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; chi phí phát triển và sản xuất thiết bị và khuôn mẫu dùng cho

thử nghiệm và thí nghiệm; chi phí mẫu và nguyên mẫu không là tài sản cố định và chi phí cho các giải pháp thử nghiệm chung; phí kiểm tra sản phẩm thử nghiệm; chi phí bảo trì, hiệu chỉnh thiết bị, thử nghiệm và chi phí thuê thiết bị nghiên cứu;

c) Chi phí khấu hao tài sản phục vụ hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo bao gồm: khấu hao máy móc, thiết bị, phòng thí nghiệm dùng cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và thử nghiệm; chi phí khấu hao tài sản vô hình là bằng sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, giống cây trồng và vật liệu nhân giống;

d) Chi phí thử nghiệm và kiểm định bao gồm: chi phí dịch vụ đo lường, thử nghiệm sản phẩm, hiệu chuẩn thiết bị; chi phí thuê phòng thí nghiệm hoặc cơ sở thử nghiệm ngoài doanh nghiệp;

đ) Chi phí sở hữu trí tuệ bao gồm: lệ phí đăng ký bảo hộ, duy trì, gia hạn hiệu lực văn bằng bảo hộ sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, bản quyền phần mềm; phí khai thác quyền sở hữu trí tuệ; chi phí thuê chuyên gia, luật sư hoặc dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp viết mô tả sáng chế hoặc thực hiện các dịch vụ đại diện sở hữu trí tuệ liên quan khác;

e) Chi phí chuyển giao và tiếp nhận công nghệ bao gồm: chi phí mua công nghệ, phần mềm, bằng độc quyền sử dụng; chi phí chuyển giao công nghệ từ viện nghiên cứu, trường đại học;

g) Chi phí dịch vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới công nghệ bên ngoài theo hợp đồng thuê ngoài nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới công nghệ hoặc nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới công nghệ với viện, trường, tổ chức khoa học và công nghệ;

h) Chi phí liên quan đến đổi mới quy trình, sản phẩm bao gồm: chi phí thiết kế mẫu thử, mô hình sản phẩm mới; chi phí thử nghiệm quy trình sản xuất mới; chi phí tư vấn cải tiến mô hình kinh doanh;

i) Chi phí quản lý và hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo bao gồm cả chi phí quản lý nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

k) Chi phí khác gắn trực tiếp và hợp lý với hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo được ghi nhận.

4. Doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp được sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ để tổ chức triển khai thực hiện hoạt động nghiên cứu tại nước ngoài, được thuê đối tác nước ngoài triển khai thực hiện hoạt động nghiên cứu tại nước ngoài không phải thông qua dự án đầu tư và tuân thủ các quy định bảo vệ bí mật nhà nước và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo pháp luật về sở hữu trí tuệ.

5. Hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp:

a) Trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật: Xây dựng các tổ chức nghiên cứu phát triển, trung tâm phân tích, kiểm nghiệm, thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm sản phẩm; hạ tầng thông tin, cơ sở dữ liệu của doanh nghiệp và thống kê về hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; chi cho công tác vận hành, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất - kỹ thuật và trang thiết bị, máy móc phục vụ hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; hệ thống quản lý chất lượng của doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp;

b) Mua quyền sử dụng, quyền sở hữu: Bí quyết công nghệ; kiến thức kỹ thuật về công nghệ được chuyển giao dưới dạng phương án công nghệ, quy trình công nghệ, thiết kế kỹ thuật, giải pháp kỹ thuật, công thức, thông số kỹ thuật, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật, chương trình máy tính, thông tin dữ liệu; giải pháp hợp lý hóa sản xuất, đổi mới công nghệ; quyền sở hữu trí tuệ; sáng kiến; các tài liệu, kết quả nghiên cứu, sản phẩm có liên quan trong nước và nước ngoài; tài khoản truy cập cơ sở dữ liệu, quyền sử dụng phần mềm; phí sử dụng dịch vụ phục vụ cho hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới công nghệ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hoặc cải tiến phát triển sản phẩm mới của doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp;

c) Mua máy móc, thiết bị, phần mềm, tài liệu kỹ thuật và dịch vụ đi kèm cho đổi mới công nghệ phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất, kinh doanh để thay thế một phần hay toàn bộ công nghệ đã, đang sử dụng bằng công nghệ khác tiên tiến hơn nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hoặc cải tiến phát triển sản phẩm mới của doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp;

d) Chi đào tạo, bồi dưỡng về nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo cho doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp;

đ) Chi cho hoạt động hợp tác về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo với các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong nước và nước ngoài: hoạt động khảo sát, tìm kiếm đối tác, nhu cầu công nghệ trong nước và ngoài nước; chi phí cho các nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu chung; chi phí vận hành phòng thí nghiệm chung;

e) Chi cho nghiên cứu, xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn cơ sở; đánh giá, thử nghiệm, giám định, kiểm định, quảng bá, thương mại hóa sản phẩm mới, công nghệ mới; chi tư vấn, đăng ký và duy trì chứng nhận chất lượng, an toàn thực phẩm có uy tín trong nước và quốc tế; đăng ký, bảo hộ, khai thác và quản lý quyền sở hữu trí tuệ của doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp;

g) Chi cho các hoạt động khảo nghiệm, trình diễn trên diện rộng đối với giống cây trồng, vật nuôi mới, quy trình canh tác mới.

6. Chi quản lý quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp.

Điều 14. Quản lý và sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp

1. Doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp có quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong quản lý, sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ. Các khoản chi từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp theo các nội dung quy định tại Điều 13 của Nghị định này, phải có chứng từ theo quy định của quy chế chi tiêu, sử dụng Quỹ, tự kê khai và tự chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của chứng từ. Các khoản chi từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp không được trùng lặp với các khoản chi của doanh nghiệp dành cho nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo quy định tại Điều 15 Nghị định này.

2. Đối với các khoản đóng góp tự nguyện, hiến, tặng hợp pháp để thực hiện các nhiệm vụ của quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thực hiện theo thỏa thuận với tổ chức, cá nhân đóng góp tự nguyện, hiến, tặng (nếu có) và tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết. Không tiếp nhận các đóng góp tự nguyện, hiến, tặng gây phương hại đến lợi ích quốc gia, an ninh, quốc phòng, vi phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng, hoạt động rửa tiền, tài trợ khủng bố và các hoạt động khác trái quy định pháp luật.

3. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, khoản đóng góp tự nguyện, hiến, tặng còn lại, chưa sử dụng hết thì doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp tiếp tục được sử dụng để thực hiện các nội dung chi của quỹ phát triển khoa học và công nghệ, không bị giới hạn thời hạn sử dụng, không phải nộp ngân sách nhà nước.

Điều 15. Chi của doanh nghiệp dành cho nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo

1. Doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại tiểu điểm b5 điểm b khoản 1 Điều 9 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản tài trợ (bằng tiền hoặc hiện vật) cho tổ chức, cá nhân để thực hiện nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo theo các nội dung như sau:

a) Đối tượng nhận tài trợ quy định tại khoản này bao gồm: Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Quỹ đầu tư mạo hiểm quốc gia, Quỹ đầu tư mạo hiểm của địa phương; các tổ chức khoa học và công nghệ được thành lập theo quy định của pháp luật;

chuyên gia, nhà khoa học, cá nhân thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tổ chức có chức năng huy động tài trợ cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo được thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật;

b) Hồ sơ xác định khoản chi tài trợ theo quy định tại khoản này bao gồm: Biên bản xác nhận tài trợ hoặc văn bản, tài liệu (hình thức giấy hoặc điện tử) xác nhận khoản chi tài trợ có chữ ký, đóng dấu của người đại diện doanh nghiệp là bên tài trợ và đại diện của bên nhận tài trợ (trong trường hợp là doanh nghiệp); có chữ ký của bên nhận tài trợ trong trường hợp là chuyên gia, nhà khoa học, cá nhân; kèm theo hóa đơn, chứng từ của khoản tài trợ bằng tiền hoặc hiện vật;

c) Bên nhận tài trợ có trách nhiệm sử dụng, phân phối đúng mục đích của khoản tài trợ cho các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo đã tiếp nhận. Trường hợp sử dụng sai mục đích của khoản tài trợ cho các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại điểm a và tiểu điểm b6 điểm b khoản 1 Điều 9 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản chi dành cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp bao gồm:

a) Chi phí thực hiện hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ, bao gồm: tiền lương, tiền công và các khoản có tính chất tiền lương, tiền công cho nhân công trực tiếp tham gia thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; chi phí trực tiếp phục vụ hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; chi phí thuê, sử dụng các kết quả nghiên cứu; chi phí bản quyền, chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp; chi phí khấu hao, chi phí thuê máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong phòng thí nghiệm; chi phí sản xuất thử nghiệm ở quy mô phòng thí nghiệm chưa sẵn sàng để thương mại hóa; chi phí đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ;

b) Chi phí thực hiện hoạt động đổi mới sáng tạo, bao gồm: tiền lương, tiền công và các khoản đóng góp có tính chất lương cho nhân công tham gia thực hiện hoạt động đổi mới sáng tạo; chi phí thuê chuyên gia tư vấn trong và ngoài nước tham gia hoạt động đổi mới sáng tạo; chi phí sử dụng các dịch vụ đổi mới sáng tạo, không gian số, hỗ trợ trực tuyến; chi phí sản xuất thử nghiệm, làm sản phẩm mẫu, hoàn thiện công nghệ, kiểm thử sản phẩm; chi phí tham gia các khóa huấn luyện tập trung ngắn hạn ở trong nước và ngoài nước; chi phí tham

gia các hội chợ, triển lãm giới thiệu sản phẩm trong nước và ngoài nước;

c) Chi thuê nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo.

Hồ sơ xác định khoản chi thuê nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo bao gồm: Hợp đồng thuê; biên bản bàn giao, nghiệm thu sản phẩm, thanh lý hợp đồng kèm theo các tài liệu, hóa đơn, chứng từ có liên quan.

d) Chi giải mã công nghệ, mua bí quyết công nghệ;

đ) Thông tin liên quan đến việc thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ quy định tại điểm a khoản này bao gồm:

đ1) Đề xuất nội dung hoạt động và ngân sách dự kiến chi phí cho hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; nghị quyết của doanh nghiệp (có liên quan). Đề xuất nội dung hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ bao gồm các nội dung về: mục tiêu, phạm vi, thời gian thực hiện, phương pháp nghiên cứu, ngân sách dự kiến thực hiện trong đó chi phí nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được tách riêng khỏi các khoản chi phí khác, kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ dự kiến (các chỉ số đo lường đánh giá, số sáng chế, bằng giải pháp hữu ích, nguyên mẫu...);

đ2) Nhân lực dự kiến/thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; nguồn lực dự kiến/thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ như: máy móc, thiết bị, phần mềm, vật tư phục vụ hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;

đ3) Báo cáo tiến độ, nhật ký thí nghiệm, báo cáo thử nghiệm, báo cáo nghiệm thu và báo cáo kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;

đ4) Hợp đồng và các thỏa thuận có liên quan đến hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;

đ5) Các minh chứng về kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ như: kết quả nghiên cứu, sản phẩm mẫu, đơn đăng ký sáng chế, bài báo khoa học, giấy chứng nhận thử nghiệm, giấy chứng nhận bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, giấy chứng nhận chất lượng sản phẩm;

e) Khoản chi cho hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của doanh nghiệp quy định tại điểm a khoản này được áp dụng mức chi bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp nếu đáp ứng điều kiện, phạm vi áp dụng và thời gian như sau:

e1) Doanh nghiệp có trách nhiệm chủ động nộp các thông tin liên quan đến việc thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của doanh nghiệp quy định tại điểm đ khoản này cho cơ quan thuế nơi doanh nghiệp đăng ký nộp thuế thu nhập doanh nghiệp. Hoạt động nghiên cứu khoa học và

phát triển công nghệ chỉ được áp dụng mức trích bổ sung nếu các doanh nghiệp thực hiện quy định này;

e2) Doanh nghiệp tự kê khai áp dụng mức chi bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn theo quy định trong thời gian thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ phù hợp với kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

e3) Doanh nghiệp có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ chứng minh hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ và hồ sơ tài chính liên quan đến hoạt động này theo quy định của pháp luật về kế toán; có trách nhiệm giải trình khi được yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

e4) Khuyến khích doanh nghiệp xây dựng hệ thống quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ tuân thủ Bộ tiêu chuẩn quốc gia ISO 56000 quản lý đổi mới (hoặc tương đương).

3. Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn chi tiết nội dung quy định tại khoản 2 Điều này.

Chương III **CƠ CHẾ TÀI CHÍNH CHO CÁC QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC,** **CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO**

Mục 1 **QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO**

Điều 16. Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (gọi tắt là Bộ, ngành, địa phương) tùy theo tình hình thực tế thành lập quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Trường hợp thành lập quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, Bộ, ngành, địa phương giao cơ quan, đơn vị hiện có trong hệ thống tổ chức của mình để thực hiện nhiệm vụ điều hành quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (gọi tắt là Cơ quan điều hành Quỹ). Cơ quan, đơn vị hiện có được giao điều hành Quỹ không phải là cơ quan, tổ chức được giao là đầu mối quản lý nhà nước về hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và cơ quan tài chính của Bộ, ngành, địa phương.

2. Tổ chức của Quỹ bao gồm Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát Quỹ và

Cơ quan điều hành Quỹ. Hội đồng quản lý Quỹ do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập, làm việc theo chế độ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm, được bố trí theo điều kiện thực tế và không làm tăng tổng số biên chế hiện có của Bộ, ngành, địa phương. Ban Kiểm soát hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm. Thành viên của Ban Kiểm soát không được là vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh chị em ruột của các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ, Phó Giám đốc Quỹ và Kế toán trưởng hoặc Trưởng cơ quan tài chính của Quỹ. Chế độ làm việc, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát Quỹ và Cơ quan điều hành Quỹ được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (gọi tắt là Quỹ) do Bộ trưởng các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành.

3. Kinh phí chi quản lý và kinh phí thực hiện hoạt động theo chức năng của Quỹ được lập dự toán chi ngân sách nhà nước hằng năm theo quy định tại khoản 10 Điều 6; điểm d, điểm đ, điểm e và điểm g khoản 2 Điều 7 của Nghị định này.

4. Nội dung chi cho đặt hàng, tài trợ cho các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Bộ, ngành, địa phương; hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ lãi suất vay để ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo; hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ; hỗ trợ hoạt động phát triển đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo do quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Bộ, ngành, địa phương được thực hiện theo nội dung quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 6 của Nghị định này. Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của địa phương hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ lãi suất vay để ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại địa phương. Việc lập kế hoạch và xác định tổng ngân sách nhà nước cấp hằng năm cho quỹ để thực hiện các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này không tính đến khoản đóng góp tự nguyện, hiến, tặng cho của tổ chức, cá nhân.

5. Việc đặt hàng, tài trợ, hỗ trợ của Quỹ theo quy định tại khoản 4 Điều này phải bảo đảm công khai, minh bạch, tiết kiệm, tránh lãng phí và tuân thủ các quy định của pháp luật. Tổ chức, cá nhân tự kê khai và chịu trách nhiệm về các số liệu, thông tin trong hồ sơ đề nghị đặt hàng, tài trợ, hỗ trợ. Quỹ không đặt hàng, tài trợ, hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân đã nhận đặt hàng, tài trợ, hỗ trợ từ các nguồn đặt hàng, tài trợ, hỗ trợ khác của Nhà nước cho cùng một hạng mục. Quỹ không hỗ trợ chi phí cho các tổ chức, cá nhân đã đóng góp tự nguyện, hiến, tặng cho Quỹ.

6. Việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng các khoản đóng góp tự nguyện, hiến,

tặng cho hợp pháp của tổ chức, cá nhân thực hiện theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và pháp luật về ngân sách nhà nước. Cơ quan điều hành Quỹ xây dựng kế hoạch tài chính hằng năm việc phân bổ, sử dụng các khoản đóng góp tự nguyện, hiến, tặng cho hợp pháp của tổ chức, cá nhân theo đúng chức năng, nhiệm vụ được giao, trình Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt và phù hợp với quy định của pháp luật. Tại thời điểm kết thúc năm ngân sách, khoản đóng góp tự nguyện, hiến, tặng cho không sử dụng hết được giữ lại quỹ để sử dụng, không phải nộp lại ngân sách nhà nước.

7. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra, giám sát hoạt động của Cơ quan điều hành Quỹ bảo đảm việc giải ngân và sử dụng ngân sách nhà nước cấp đúng tiến độ và hiệu quả.

8. Đánh giá kết quả, hiệu quả hoạt động của Quỹ được thực hiện như sau:

a) Định kỳ hàng năm thủ trưởng Cơ quan điều hành Quỹ có trách nhiệm lập báo cáo đánh giá kết quả, hiệu quả hoạt động của Quỹ trên cơ sở các kết quả, hiệu quả của các hoạt động đặt hàng, tài trợ, hỗ trợ; kết quả giải ngân của Quỹ trên cơ sở căn cứ chiến lược, kế hoạch về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm của Bộ, ngành, địa phương gửi cơ quan chủ quản;

b) Bộ, ngành, địa phương quyết định việc tự đánh giá hoặc thuê tổ chức, cá nhân có chức năng thực hiện đánh giá độc lập để đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ. Kinh phí thực hiện việc đánh giá kết quả, hiệu quả hoạt động của Quỹ được bố trí từ nguồn kinh phí chi thường xuyên cho sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Điều 17. Quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước đặt hàng, tài trợ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; hỗ trợ hoạt động thông qua quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được Quỹ đặt hàng, tài trợ; tổ chức, cá nhân nhận hỗ trợ của Quỹ có trách nhiệm:

a) Ban hành quy chế chi tiêu nội bộ để quản lý việc sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được Quỹ đặt hàng, tài trợ và áp dụng công khai, minh bạch;

b) Sử dụng kinh phí đúng mục tiêu, mục đích; bảo đảm hiệu quả và tiết kiệm;

c) Thanh, quyết toán với Cơ quan điều hành Quỹ. Hồ sơ, chứng từ thanh, quyết toán gồm:

c1) Hợp đồng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

c2) Đối với kinh phí khoán chi: Bảng kê xác định khối lượng công việc hoàn thành gồm các nội dung công việc đã hoàn thành và kinh phí đã sử dụng tương ứng được Chủ nhiệm nhiệm vụ, Kế toán trưởng hoặc Trưởng cơ quan tài chính và Thủ trưởng tổ chức chủ trì xác nhận;

c3) Đối với kinh phí không khoán chi: Bảng kê xác định khối lượng công việc hoàn thành gồm các nội dung công việc đã hoàn thành và kinh phí đã sử dụng tương ứng được Chủ nhiệm nhiệm vụ, Kế toán trưởng hoặc Trưởng cơ quan tài chính và Thủ trưởng tổ chức chủ trì xác nhận; Hồ sơ, chứng từ minh chứng việc sử dụng kinh phí hợp lý, hợp pháp;

c4) Báo cáo đánh giá trong kỳ, báo cáo đánh giá cuối kỳ nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

c5) Đối với hồ sơ thanh toán hỗ trợ trực tiếp (hỗ trợ lãi suất, hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ hoạt động): Quyết định phê duyệt hỗ trợ; hợp đồng hỗ trợ; kết quả đánh giá hoạt động hỗ trợ khi kết thúc; biên bản thanh lý hợp đồng; tổng hợp các số liệu quyết toán được Kho bạc Nhà nước nơi tổ chức, cá nhân mở tài khoản để nhận kinh phí thực hiện hoạt động hỗ trợ xác nhận thực chi;

d) Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo chịu trách nhiệm về hồ sơ lập dự toán kinh phí, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo đảm đúng quy định của pháp luật; lưu trữ hồ sơ của nhiệm vụ, tài liệu minh chứng việc sử dụng kinh phí; chịu trách nhiệm về việc bảo đảm chứng từ hợp lý, hợp pháp và sẵn sàng giải trình khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

đ) Việc sử dụng kinh phí sai mục tiêu, phạm vi, nội dung nghiên cứu được nêu tại Thuyết minh nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và các hành vi vi phạm khác làm thất thoát ngân sách nhà nước, ngoài việc bị thu hồi kinh phí còn bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan điều hành Quỹ có trách nhiệm:

a) Xây dựng Quy chế quản lý kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo gửi cơ quan chủ quản, cơ quan tài chính cấp trên;

b) Thanh, quyết toán kinh phí cho các tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo Quy chế quản lý kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và theo tiến độ;

c) Kiểm tra hồ sơ, chứng từ thanh toán theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều này và lập chứng từ chuyển tiền gửi Kho bạc Nhà nước nơi mở tài khoản

để thanh toán tiền từ tài khoản tiền gửi của quỹ cho tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

d) Tổ chức kiểm tra, đánh giá để bảo đảm việc sử dụng kinh phí của các tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đúng mục đích, yêu cầu và tiến độ giải ngân;

đ) Xem xét, quyết định việc thuê kiểm toán độc lập để kiểm toán việc sử dụng kinh phí của tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được Quỹ đặt hàng, tài trợ, hỗ trợ trên cơ sở đảm bảo tiến độ thời gian lập và nộp báo cáo tài chính cho cơ quan chủ quản thực hiện xét duyệt quyết toán và tổng hợp quyết toán gửi Bộ Tài chính. Kinh phí thuê kiểm toán độc lập được bố trí trong nội dung chi cho công tác quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Cơ quan điều hành Quỹ.

3. Việc quyết toán, xét duyệt quyết toán, thẩm tra và tổng hợp quyết toán thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Mục 2

QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

Điều 18. Chức năng của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia

Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, tên giao dịch quốc tế: National Foundation for Science and Technology Development, viết tắt: NAFOSTED (sau đây gọi tắt là Quỹ NAFOSTED) là cơ quan có chức năng tài trợ, đặt hàng chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ; hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia.

Điều 19. Mục tiêu hoạt động theo chức năng của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia

1. Thúc đẩy hoạt động nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ thông qua việc đặt hàng, tài trợ nhiệm vụ, chương trình khoa học, công nghệ, trong đó tập trung ưu tiên các nhiệm vụ, chương trình nhằm giải quyết các vấn đề có tính liên ngành, liên vùng; nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt, chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt.

2. Phát triển, nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của cá nhân, tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ.

Điều 20. Nguyên tắc hoạt động theo chức năng của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia

1. Công bố công khai, minh bạch các quy định quản lý, thông tin về hoạt động của Quỹ.

2. Tổ chức xét chọn đề tài trợ, đặt hàng thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ, hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia trên cơ sở dân chủ, bình đẳng, tuân thủ đầy đủ các quy định của cấp có thẩm quyền, trong đó có cơ chế ưu tiên nhà khoa học nữ.

3. Thực hiện quản lý chất lượng nghiên cứu theo chuẩn mực quốc tế, đảm bảo liêm chính khoa học, đạo đức nghề nghiệp trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ.

4. Nội dung nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ; hoạt động hỗ trợ nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia tài trợ không được trùng lặp với các nội dung, hoạt động đã hoặc đang thực hiện bằng nguồn kinh phí của Nhà nước.

5. Việc tiếp nhận, quản lý sử dụng nguồn ngân sách hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia phải đảm bảo công khai, minh bạch; không tiếp nhận các khoản đóng góp tự nguyện, hiến, tặng của tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài gây phương hại đến lợi ích quốc gia, an ninh, quốc phòng, vi phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng, hoạt động rửa tiền, tài trợ khủng bố và các hoạt động khác trái quy định pháp luật.

Điều 21. Nhiệm vụ và quyền hạn theo chức năng của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia

1. Nhiệm vụ theo chức năng

a) Thực hiện các nhiệm vụ phù hợp với mục tiêu hoạt động, phục vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

b) Tiếp nhận, quản lý và sử dụng đúng quy định các nguồn ngân sách hoạt động tại Điều 22 Nghị định này;

c) Thực hiện chế độ báo cáo, chế độ kế toán theo quy định của đơn vị sự nghiệp công lập;

d) Chấp hành việc thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

đ) Quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công;

e) Giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị liên quan đến hoạt động của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia theo quy định của pháp luật;

g) Quản lý tổ chức và cán bộ của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia theo quy định của pháp luật;

h) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Quyền hạn theo chức năng

a) Tổ chức và hoạt động theo đúng nguyên tắc và mục tiêu hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia;

b) Thực hiện đặt hàng, tài trợ toàn bộ hoặc một phần kinh phí đối với chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ thông qua tổ chức tuyển chọn, xét chọn, giao trực tiếp;

c) Tổ chức việc xét chọn và thực hiện hỗ trợ các hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia;

d) Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện và sử dụng kinh phí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ và hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia;

đ) Tổ chức nghiên cứu, tham mưu, xây dựng trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, kế hoạch, định hướng ưu tiên và các văn bản khác phục vụ quản lý và triển khai tài trợ, hỗ trợ của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia;

e) Đình chỉ hoặc trình cơ quan có thẩm quyền đình chỉ việc tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ, cấp kinh phí hoặc thu hồi kinh phí đã tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ, cấp phát khi phát hiện tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về sử dụng kinh phí của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia và các quy định pháp luật có liên quan;

g) Ban hành Quy chế hoạt động và các văn bản khác phục vụ cho hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia;

h) Tổng hợp kế hoạch và nhu cầu kinh phí hằng năm;

i) Hợp tác với tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước, tổ chức quốc tế về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia.

Điều 22. Ngân sách và nội dung chi quản lý và hoạt động theo chức năng của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia

1. Nguồn ngân sách nhà nước:

a) Kinh phí tài trợ, hỗ trợ và chi hoạt động quản lý của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia được bố trí từ chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Hàng năm, căn cứ vào hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ, Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia lập kế hoạch và dự toán ngân sách cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Quỹ theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 7 của Nghị định này, gửi Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, phê duyệt.

Trên cơ sở dự toán cấp có thẩm quyền giao, Bộ Khoa học và Công nghệ thông báo bằng văn bản cho Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia tổng mức kinh phí tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ, hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia. Căn cứ văn bản thông báo, Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia xây dựng kế hoạch tài chính trình Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt.

b) Kinh phí cấp thông qua Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia cho các nhiệm vụ khoa học, công nghệ do Bộ Khoa học và Công nghệ giao;

c) Kinh phí tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ hàng năm của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia được cấp tối đa không quá 03 lần. Kinh phí cấp lần đầu căn cứ vào số kinh phí do Quỹ đề xuất nhưng không quá 40% của tổng số kinh phí tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ dự kiến theo kế hoạch năm và được giao trước ngày 31 tháng 3 của năm ngân sách. Các lần cấp kinh phí tiếp theo được xác định trên cơ sở đề xuất của Quỹ căn cứ vào tiến độ giải ngân kinh phí đã cấp và kế hoạch giải ngân trong giai đoạn tiếp theo. Thời điểm cấp kinh phí lần cuối trước ngày 01 tháng 9 hàng năm;

d) Kinh phí chi cho hoạt động quản lý của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia được Bộ Khoa học và Công nghệ giao dự toán hàng năm bao gồm các nội dung chi quy định tại khoản 10 Điều 6 Nghị định này.

2. Các nguồn ngoài ngân sách nhà nước:

a) Các khoản đóng góp tự nguyện, hiến, tặng, cho hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài;

b) Thu từ các khoản lãi tiền gửi và các khoản thu hợp pháp khác.

3. Nội dung chi hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia:

a) Chi tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 6 của Nghị định này.

b) Chi hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia quy định tại khoản 3 Điều 6 của Nghị định này.

c) Chi hoạt động quản lý, điều hành và hoạt động theo chức năng quy định tại các khoản 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18 và 19 Điều 6 của Nghị định này.

Điều 23. Chế độ tài chính, kế toán của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia

1. Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia áp dụng chế độ kế toán hành chính sự nghiệp theo quy định của pháp luật về kế toán.

2. Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia tổ chức bộ máy kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán và quy chế nội bộ của Quỹ.

3. Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia phải tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê theo quy định của pháp luật hiện hành; lập, ghi chép chứng từ ban đầu, cập nhật sổ sách kế toán, bảo đảm phản ánh đầy đủ, kịp thời, trung thực, chính xác, khách quan các hoạt động kinh tế, tài chính.

4. Quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước được Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia đặt hàng, tài trợ, hỗ trợ theo quy định tại Điều 17 Nghị định này.

5. Thanh, quyết toán chi ngân sách nhà nước cho nhiệm vụ, hoạt động được Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia đặt hàng, tài trợ, hỗ trợ:

a) Quyết toán đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ, hoạt động hỗ trợ nâng cao năng lực hàng năm:

Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm xét duyệt quyết toán chi ngân sách nhà nước đối với tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học, công nghệ và thông báo số liệu xét duyệt quyết toán nhiệm vụ khoa học, công nghệ do Quỹ đặt hàng, tài trợ; tổng hợp quyết toán báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ hàng năm trên cơ sở như sau:

a1) Nhiệm vụ theo phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng: Quyết định phê duyệt nhiệm vụ, phê duyệt hỗ trợ và các Quyết định có liên quan; hợp đồng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; hợp đồng hỗ trợ; kết quả đánh giá nhiệm vụ, hoạt động hỗ trợ; số liệu được Kho bạc Nhà nước nơi tổ chức, cá nhân mở tài khoản để nhận kinh phí thực hiện nhiệm vụ, hoạt động hỗ trợ xác nhận thực chi;

a2) Nhiệm vụ thực hiện theo phương thức khoán chi từng phần theo nội dung nghiên cứu: căn cứ theo quy định tại tiểu điểm a1 điểm a khoản 5 Điều này và hồ sơ, chứng từ chi đối với phần kinh phí không được khoán tương ứng với các nội dung công việc đã hoàn thành được Chủ nhiệm nhiệm vụ, Kế toán trưởng và Thủ trưởng tổ chức chủ trì xác nhận trong bảng xác định giá trị khối

lượng công việc hoàn thành.

b) Quyết toán đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ, hoạt động hỗ trợ nâng cao năng lực hoàn thành:

b1) Nhiệm vụ theo phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng: căn cứ theo quy định tại tiểu điểm a1 điểm a khoản 5 Điều này và thông báo số liệu xét duyệt quyết toán chi ngân sách nhà nước hằng năm của các nhiệm vụ, hoạt động được Quỹ đặt hàng, tài trợ, hỗ trợ;

b2) Nhiệm vụ thực hiện theo phương thức khoán chi từng phần theo nội dung nghiên cứu: căn cứ theo quy định tại tiểu điểm a2 điểm a khoản 5 Điều này và thông báo số liệu xét duyệt quyết toán chi ngân sách nhà nước hằng năm của các nhiệm vụ, hoạt động được Quỹ đặt hàng, tài trợ, hỗ trợ.

6. Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia thực hiện chuyển nguồn kinh phí dư trong năm tài chính sang năm kế tiếp theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản có liên quan.

Điều 24. Giám sát, đánh giá và trách nhiệm giải trình

1. Giám sát nội bộ

a) Quỹ thiết lập hệ thống giám sát nội bộ để theo dõi việc tuân thủ quy định pháp luật, quy chế hoạt động và hiệu quả sử dụng nguồn lực tài chính, nhiệm vụ khoa học, công nghệ;

b) Việc giám sát bao gồm cả giám sát định kỳ, đột xuất và hậu kiểm độc lập sau khi kết thúc nhiệm vụ. Kết quả giám sát được công khai theo quy định và báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Đánh giá hiệu quả hoạt động

a) Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia tổ chức đánh giá định kỳ về hiệu quả tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ mức độ đạt được mục tiêu chiến lược, hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước;

b) Kết quả đánh giá là cơ sở để điều chỉnh kế hoạch tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ phân bổ nguồn lực và cải tiến quản trị;

c) Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia có thể phối hợp với các tổ chức độc lập để thực hiện đánh giá giữa kỳ và cuối kỳ.

3. Trách nhiệm giải trình của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia

Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm công khai

thông tin về tài chính đối với các hoạt động thuộc phạm vi quản lý và điều hành của Quỹ.

4. Quản trị rủi ro thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 25. Xử lý rủi ro về tài chính trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Nguyên tắc xử lý rủi ro

- a) Đúng quy định pháp luật;
- b) Có căn cứ rõ ràng, minh bạch;
- c) Có hồ sơ xác minh, ý kiến chuyên gia độc lập (trong trường hợp cần thiết);

2. Các hình thức xử lý rủi ro bao gồm:

- a) Miễn, giảm, giãn thời gian hoàn trả;
- b) Khoanh nợ, xóa nợ (trong trường hợp phá sản);
- c) Không thu hồi tạm ứng còn lại;
- d) Không phạt vi phạm, không tính lãi chậm nộp.

3. Các trường hợp rủi ro về tài chính bao gồm nhưng không giới hạn:

- a) Kết quả của nhiệm vụ không đạt được mục tiêu đề ra nhưng đã tuân thủ đầy đủ quy định quản lý nhiệm vụ, quy trình thực hiện, nội dung nghiên cứu, biện pháp phòng ngừa rủi ro;
- b) Thiệt hại về tài sản, thiết bị, kinh phí do sự cố bất khả kháng;
- c) Tổ chức chủ trì bị giải thể, phá sản hoặc không còn tư cách pháp nhân hợp lệ;
- d) Không thu hồi được kinh phí tạm ứng do nguyên nhân chính đáng.

4. Việc xử lý rủi ro không làm thay đổi trách nhiệm giải trình của tổ chức chủ trì về việc sử dụng kinh phí.

Mục 3

QUỸ ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

Điều 26. Chức năng của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia

Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia (tên giao dịch quốc tế: National Technology Innovation Fund, viết tắt: NATIF, sau đây gọi tắt là Quỹ NATIF) là cơ quan có chức năng tài trợ, đặt hàng thực hiện chương trình, nhiệm vụ đổi

mới sáng tạo; hỗ trợ lãi suất vay, hỗ trợ kinh phí để ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo; hỗ trợ hoạt động phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo.

Điều 27. Nhiệm vụ, quyền hạn theo chức năng của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia

1. Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia có các nhiệm vụ sau:

a) Tiếp nhận và quản lý các nguồn lực tài chính:

a1) Tiếp nhận kinh phí từ ngân sách nhà nước, các khoản đóng góp tự nguyện, hiến, tặng hợp pháp của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;

a2) Quản lý, sử dụng nguồn ngoài ngân sách nhà nước theo thỏa thuận với bên đóng góp (nếu có) và theo quy định tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ, quy chế chi tiêu nội bộ của Quỹ;

b) Triển khai hoạt động tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ:

b1) Công bố định hướng ưu tiên, yêu cầu, nội dung và hướng dẫn đề xuất tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ;

b2) Tiếp nhận, xét duyệt hồ sơ, công bố kết quả;

b3) Thực hiện đặt hàng, tài trợ toàn bộ hoặc một phần kinh phí đối với chương trình, nhiệm vụ đổi mới sáng tạo; hỗ trợ lãi suất vay; hỗ trợ kinh phí để ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo; hỗ trợ hoạt động phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo;

b4) Kiểm tra, giám sát tiến độ, chất lượng chuyên môn và hiệu quả sử dụng kinh phí;

b5) Tạm dừng, đình chỉ hoặc chấm dứt tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ khi phát hiện vi phạm.

c) Thực hiện nhiệm vụ hành chính - tổ chức:

c1) Giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị theo quy định của pháp luật;

c2) Quản lý, sử dụng tài sản và nguồn nhân lực theo quy định;

c3) Ban hành quy định nội bộ phục vụ hoạt động của Quỹ trong phạm vi thẩm quyền;

c4) Hợp tác trong và ngoài nước về các hoạt động liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Quỹ;

c5) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia có các quyền hạn sau:

a) Tổ chức triển khai các hoạt động tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ của Quỹ phù hợp với mục tiêu, phạm vi hoạt động được giao;

b) Được chủ động lựa chọn nhiệm vụ, dự án, hoạt động, đối tượng tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ trên cơ sở định hướng ưu tiên, quy định pháp luật và kế hoạch ngân sách được phê duyệt;

c) Được ký kết hợp đồng, thỏa thuận hợp tác, thuê tổ chức, chuyên gia, nhà khoa học và các cá nhân khác để hỗ trợ hoạt động quản lý của Quỹ;

d) Có quyền điều chỉnh nội dung, dừng hoặc chấm dứt tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ trong trường hợp phát hiện vi phạm hoặc không bảo đảm hiệu quả;

đ) Được từ chối tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ nếu hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, vi phạm tiêu chí, điều kiện theo quy định;

e) Thực hiện các hoạt động hợp tác, hỗ trợ chuyên môn, kỹ thuật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài theo thỏa thuận phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Quỹ;

g) Được thực hiện các quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Nguyên tắc hoạt động theo chức năng của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia

1. Công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia các quy trình, quy định quản lý, thời gian tiếp nhận hồ sơ, tiêu chí đánh giá và kết quả tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ.

2. Việc xét tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ các nhiệm vụ, hoạt động theo chức năng được thực hiện dân chủ, minh bạch, bảo đảm tính khách quan và phù hợp với từng loại nhiệm vụ, hoạt động.

3. Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức đáp ứng đồng thời điều kiện của nhiều hình thức tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia thì được xem xét hưởng đồng thời các hình thức tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ tương ứng, nếu đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định đối với từng hình thức.

4. Bảo đảm nguyên tắc tin cậy; doanh nghiệp, tổ chức tự kê khai và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của thông tin, số liệu, nội dung trong hồ sơ đề nghị tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ từ Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia.

5. Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia không thực hiện tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ đối với tổ chức, cá nhân đã và đang được nhận đặt hàng, tài trợ, hỗ trợ từ các nguồn kinh phí nhà nước khác cho cùng một nội dung, hạng mục. Việc phát hiện trùng lặp sau khi phê duyệt sẽ bị xử lý theo quy định, bao gồm thu hồi kinh phí và xử phạt tổ chức, cá nhân vi phạm nếu kê khai sai hoặc gian lận.

Điều 29. Ngân sách hoạt động của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia

1. Nguồn ngân sách nhà nước:

a) Căn cứ kế hoạch tài chính được Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt, Bộ Tài chính thực hiện cấp phát bằng lệnh chi tiền vào tài khoản tiền gửi của Quỹ mở tại Kho bạc Nhà nước kinh phí chi hoạt động theo chức năng của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia để thực hiện việc tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ theo chức năng của Quỹ;

b) Kinh phí cấp thông qua Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia cho các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo do Thủ tướng Chính phủ, Bộ Khoa học và Công nghệ giao;

c) Kinh phí chi quản lý của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia được Bộ Khoa học và Công nghệ giao dự toán hằng năm bao gồm các nội dung chi quy định tại khoản 10 Điều 6 Nghị định này;

d) Kinh phí tại điểm a khoản 1 Điều này hằng năm của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia được cấp tối đa không quá 03 lần. Kinh phí cấp lần đầu căn cứ vào số kinh phí do Quỹ đề xuất nhưng không quá 40% của tổng số kinh phí dự kiến theo kế hoạch năm và được giao trước ngày 31 tháng 3 của năm ngân sách. Các lần cấp kinh phí tiếp theo được xác định trên cơ sở đề xuất của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia căn cứ vào tiến độ giải ngân kinh phí đã cấp. Thời điểm cấp kinh phí lần cuối trước ngày 01 tháng 9 hằng năm.

2. Các nguồn ngoài ngân sách nhà nước:

a) Các khoản đóng góp tự nguyện, tài trợ, hiến, tặng hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; thu từ hoạt động hợp tác theo thỏa thuận phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia;

b) Lãi tiền gửi, các khoản thu hợp pháp khác theo quy định;

c) Các nguồn hỗ trợ dưới hình thức hiện vật, tài sản, dịch vụ có giá trị hoặc nguồn tài chính chuyển vào tài khoản của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia tại ngân hàng thương mại.

Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia có trách nhiệm tiếp nhận, quản lý, hạch toán, sử dụng đúng mục đích, đối tượng, hiệu quả; bảo đảm công khai, minh bạch và tuân thủ quy định pháp luật.

3. Nội dung chi hoạt động chức năng của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia:

a) Chi tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 1,

khoản 2, khoản 4 Điều 6 của Nghị định này;

b) Chi hỗ trợ lãi suất vay quy định tại khoản 5 Điều 6 Nghị định này;

c) Chi hỗ trợ hoạt động phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo quy định tại khoản 6 Điều 6 Nghị định này;

d) Chi hoạt động quản lý, điều hành quy định tại các khoản 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18 và 19 Điều 6 Nghị định này.

Điều 30. Quản lý, sử dụng và thanh quyết toán ngân sách nhà nước

1. Quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước

Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị định này theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

2. Quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo được Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia đặt hàng, tài trợ, hỗ trợ theo quy định tại Điều 17 Nghị định này.

3. Việc quyết toán, xét duyệt quyết toán, thẩm tra và tổng hợp quyết toán thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Điều 31. Tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn kinh phí ngoài ngân sách của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia

1. Nguyên tắc tiếp nhận và hạch toán

a) Các nguồn ngoài ngân sách nhà nước chuyển vào tài khoản của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia tại các ngân hàng thương mại hoặc tiếp nhận dưới hình thức hiện vật, tài sản, dịch vụ có giá trị. Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia có trách nhiệm tổ chức tiếp nhận, quản lý, sử dụng các nguồn lực này đúng mục đích, đối tượng, hiệu quả và phù hợp với quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan;

b) Toàn bộ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước phải được hạch toán, theo dõi riêng và phản ánh đầy đủ trong báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán hàng năm của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia;

c) Việc tiếp nhận hiện vật, tài sản hoặc dịch vụ có giá trị phải được định giá, ghi nhận và sử dụng đúng mục tiêu được hiến, tặng hoặc tài trợ.

2. Nguyên tắc quản lý, sử dụng

a) Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia được quyền chủ động xây dựng kế hoạch tài chính hàng năm và quyết định việc phân bổ, sử dụng các nguồn thu ngoài ngân sách nhà nước theo đúng chức năng, nhiệm vụ được giao, quy chế chi tiêu nội bộ đã được phê duyệt và phù hợp với quy định của pháp luật;

b) Việc sử dụng nguồn ngoài ngân sách phải đúng chức năng, nhiệm vụ, mục tiêu hoạt động của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia;

c) Việc chi tiêu từ nguồn ngoài ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy chế chi tiêu nội bộ của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia; không áp dụng các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ chi tiêu như đối với nguồn ngân sách nhà nước;

d) Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia được sử dụng nguồn thu hợp pháp ngoài ngân sách nhà nước, lãi tiền gửi để chi các hoạt động tăng cường năng lực, bổ sung thu nhập tăng thêm, chi phúc lợi tập thể, hợp đồng chuyên gia, truyền thông, đào tạo và các khoản hỗ trợ khác cho cán bộ, viên chức, người lao động của Quỹ. Việc chi trả được thực hiện theo định mức trong quy chế chi tiêu nội bộ, không bị giới hạn bởi mức trần quy định trong cơ chế tự chủ tài chính áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

đ) Việc sử dụng kinh phí từ nguồn ngoài ngân sách nhà nước phải bảo đảm nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch và chịu trách nhiệm giải trình theo quy định của pháp luật;

e) Nguồn thu ngoài ngân sách chưa sử dụng hết trong năm được phép chuyển sang năm sau để tiếp tục sử dụng và được hạch toán đầy đủ trong báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia.

3. Báo cáo, giám sát và kiểm toán

a) Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia có trách nhiệm công khai thông tin tiếp nhận và sử dụng các nguồn ngoài ngân sách theo quy định tại Luật Kế toán, Luật Ngân sách nhà nước và các quy định về công khai tài chính;

b) Việc sử dụng nguồn vốn ngoài ngân sách vẫn chịu sự thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi có yêu cầu.

Điều 32. Chế độ tài chính, kế toán của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia

1. Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia thực hiện chế độ kế toán, quyết toán và lập báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán theo quy định của pháp luật về kế toán và ngân sách nhà nước.

2. Xem xét, quyết định việc thuê kiểm toán độc lập để kiểm toán việc sử dụng kinh phí của tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, kinh phí thuê kiểm toán độc lập được bố trí trong nội dung chi cho công tác quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia.

Điều 33. Xử lý rủi ro về tài chính trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và việc giám sát, đánh giá, trách nhiệm giải trình Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia

1. Việc xử lý rủi ro về tài chính trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia thực hiện theo quy định tại Điều 25 Nghị định này.

2. Việc giám sát, đánh giá, trách nhiệm giải trình và quản trị rủi ro của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia thực hiện theo quy định tại Điều 24 Nghị định này.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 34. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 10 năm 2025.

2. Bãi bỏ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ.

3. Bãi bỏ Điều 1, Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17 tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia của Nghị định số 23/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 19/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia ban hành kèm theo Nghị định số 23/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ.

4. Bãi bỏ Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 10 Nghị định số 88/2025/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

5. Bãi bỏ Quyết định số 37/2014/QĐ-TTg ngày 08 tháng 9 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định điều kiện thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

6. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 35. Điều khoản chuyển tiếp

1. Quy định về Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia: Đối với các khoản đóng góp từ Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp nhà nước đã nộp về Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia theo quy

định tại điểm a khoản 5 Điều 11 Nghị định 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 và các khoản lãi phát sinh, Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia thực hiện nộp ngân sách nhà nước.

2. Quy định về Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia:

a) Nguồn vốn hoạt động của Quỹ theo quy định tại Quyết định số 04/2021/QĐ-TTg ngày 29 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia chuyển vào tài khoản tiền gửi của Quỹ tại Kho bạc nhà nước được sử dụng để chi thực hiện chức năng, chi quản lý của Quỹ theo quy định tại Nghị định này.

b) Các dự án của Quỹ đang thực hiện theo quy định tại Quyết định số 04/2021/QĐ-TTg ngày 29 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia và các văn bản khác có liên quan: Gốc, lãi thu về hàng năm của các dự án được chuyển vào tài khoản tiền gửi của Quỹ tại Kho bạc nhà nước để thực hiện chức năng của Quỹ theo quy định tại Nghị định này.

3. Số dư Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp nhà nước đã trích lập theo quy định tại Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ mà chưa sử dụng hết hoặc sử dụng không hết, sau khi doanh nghiệp nhà nước thực hiện nộp thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên phần Quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã trích mà không sử dụng hết hoặc không sử dụng và phần lãi phát sinh từ số thuế thu nhập doanh nghiệp đó, doanh nghiệp nhà nước được hoàn nhập vào kết quả kinh doanh hoặc giữ lại Quỹ phát triển khoa học và công nghệ để thực hiện các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (nếu có nhu cầu) theo quy định của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ.

4. Đối với giai đoạn 2026 - 2030, việc ban hành kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo như sau:

a) Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành kế hoạch tổng thể phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm trước ngày 31 tháng 12 năm 2025;

b) Bộ, ngành, địa phương ban hành kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm trước ngày 31 tháng 3 năm 2026.

Điều 36. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện, hướng dẫn thi hành Nghị định này.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Thủ trưởng các cơ quan tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2). 10

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Hồ Đức Phớc